

Kinh tế vĩ mô 2 tháng đầu năm 2020: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Các nền kinh tế đầu tàu đối mặt với nhiều khó khăn hơn trong tăng trưởng;
- Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu giảm mạnh trong 2 tháng đầu năm;
- Đồng USD đã tăng trở lại trước sự bùng phát của dịch Covid – 19, đồng EUR, đồng GBP và đồng CNY tiếp tục giảm so với đồng USD trong khi đồng JPY tăng so với đồng USD;
- Giá vàng tiếp tục tăng, thiết lập ngưỡng giá cao mới;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu giảm mạnh;
- Trong 2 tháng đầu năm đã có nhiều NHTW giảm lãi suất và hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Tình hình sản xuất công nghiệp 2 tháng đầu năm đạt mức tăng thấp nhất trong 3 năm gần đây; Các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất đã rơi xuống ngưỡng thu hẹp;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng qua 2 tháng chỉ đạt mức tăng trưởng thấp so với cùng kỳ;
- Vốn giải ngân từ nguồn NSNN tăng so với cùng kỳ; Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam giảm so với cùng kỳ;
- Kim ngạch xuất khẩu trong tháng 1 và tháng 2 đã giảm xuống dưới 20 tỷ USD, tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu qua 2 tháng chậm lại so với cùng kỳ; cán cân thương mại ước nhập siêu 176 triệu USD qua 2 tháng;
- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm tăng 5,91% so với cùng kỳ, là mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây;
- Tổng thu, tổng chi NSNN qua 2 tháng đầu năm đều giảm so với cùng kỳ;
- Lãi suất huy động diễn biến tích cực, lãi suất cho vay tiếp tục duy trì xu hướng ổn định, lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm;
- Tỷ giá diễn biến phù hợp với các điều kiện trong và ngoài nước; Giá vàng tăng mạnh vượt mức tăng của giá vàng thế giới;
- TTCK Việt Nam giao dịch kém sôi động, chỉ số VN Index chốt phiên giao dịch cuối tháng 2 đã giảm 8,34% so với cuối năm ngoái.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

Khu vực sản xuất tại Mỹ đang có chiều hướng thu hẹp đáng quan ngại

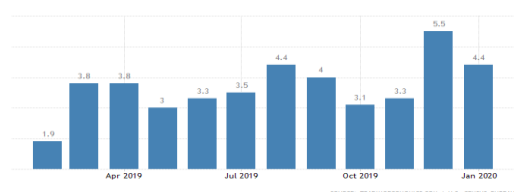
Tăng trưởng kinh tế Mỹ trong năm 2019 ước đạt mức tăng 2,3%, thấp hơn mức tăng 3,1% của năm 2018. Bước sang 2 tháng đầu năm 2020, kinh tế Mỹ tiếp tục đối mặt với sự suy giảm đáng chú ý của lĩnh vực sản xuất. Cụ thể, mức độ mở rộng của chỉ số PMI tổng hợp đã giảm liên tục trong 2 tháng đầu năm, trong đó tháng 2 đã chính thức rơi vào ngưỡng thu hẹp 49,6 điểm, đánh dấu lần thu hẹp đầu tiên của chỉ số này kể từ tháng 10/2013. Diễn biến kém tích cực được ghi nhận ở cả hai khu vực chế biến chế tạo và khu vực dịch vụ khi chỉ số PMI chế biến chế tạo đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 9 năm ngoái còn 50,8 điểm và chỉ số PMI khu vực dịch vụ cũng đã giảm mạnh xuống vùng thu hẹp còn 47 điểm.

Trong lĩnh vực tiêu dùng, tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa trong tháng đầu năm cũng chậm lại với mức tăng 4,4% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng 5,5% của tháng trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 1 đã tăng lên đạt 3,6%. Trong khi đó, tỷ lệ lạm phát tiếp tục chiều hướng gia tăng mạnh, hiện đạt mức 2,5% so với cùng kỳ năm trước, là mức lạm phát cao nhất được ghi nhận kể từ tháng 10/2018.

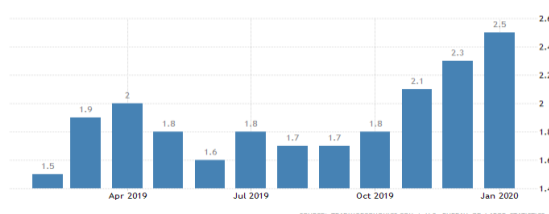
Tỷ lệ thất nghiệp



Doanh số bán lẻ hàng hóa tại Mỹ (yoy)



Diễn biến lạm phát (yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp của Mỹ



Nguồn: Trading economics

Kinh tế khu vực Châu Âu vẫn chưa có nhiều chuyển dịch

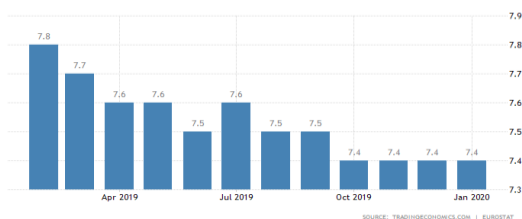
Tăng trưởng kinh tế khu vực EU năm 2019 ước đạt mức tăng 1,1%, thấp hơn mức tăng 1,9% của năm 2018. Trong 2 tháng đầu năm 2020, các khu vực kinh tế chưa có nhiều sự chuyển dịch. Theo đó, chỉ số PMI tổng hợp 2 tháng đầu năm lần lượt đạt 50,9 điểm trong tháng 1 và 51,6 điểm trong tháng 2, cải thiện nhẹ so với cuối năm ngoái. Sự cải thiện chủ yếu nhờ khu vực dịch vụ trong khi đó khu vực chế biến chế tạo vẫn chưa thoát khỏi xu hướng thu hẹp¹.

Trong khi đó, trong lĩnh vực tiêu dùng, tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa trong tháng 1 không có sự thay đổi so với tháng trước khi tiếp tục duy trì ở mức tăng 1,7% so với cùng kỳ.

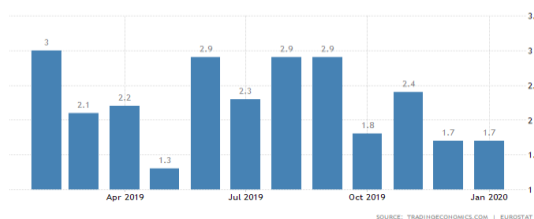
Lạm phát tại khu vực EU gia tăng trong tháng 1 lên mức 1,4% và điều chỉnh giảm nhẹ trong tháng 2 xuống còn 1,2%. Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức 7,4% sang tháng thứ 4 liên tiếp.

¹ Trong 2 tháng đầu năm 2020, tại EU chỉ số PMI khu vực dịch vụ lần lượt đạt 52,5 và 52,8 điểm; PMI khu vực chế biến chế tạo lần lượt đạt 47,9 và 49,1 điểm.

Tỷ lệ thất nghiệp



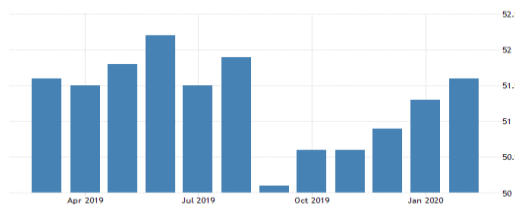
Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa (yoy)



Diễn biến lạm phát (yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp của Châu Âu



Nguồn: Trading economicsmics

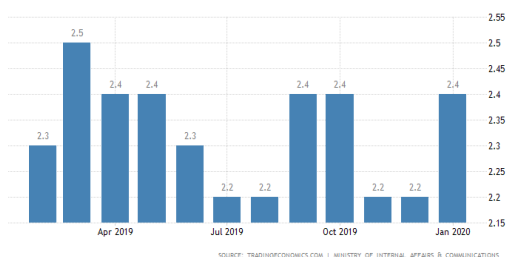
Kinh tế Nhật Bản đang cho thấy những dấu hiệu suy yếu mạnh mẽ hơn

Tại Nhật Bản, chỉ số PMI tổng hợp sau khi phục hồi trở lại đạt 50,1 điểm trong tháng 1 đã nhanh chóng quay trở lại tình trạng thu hẹp khi giảm mạnh xuống còn 47 điểm trong tháng 2, là mức thu hẹp mạnh nhất của lĩnh vực sản xuất trong nhiều năm qua. Diễn biến kém tích cực này đến từ cả hai khu vực chế biến chế tạo và dịch vụ². Trong khi đó, hoạt động tiêu dùng nội địa cũng chưa có nhiều cải thiện khi tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa tháng 1 tiếp tục giảm 0,4% so với cùng kỳ, tháng giảm thứ 4 liên tiếp kể từ khi Nhật Bản tăng thuế tiêu dùng nội địa vào tháng 10 năm ngoái.

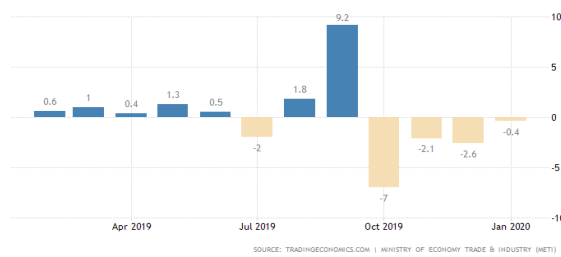
Xuất khẩu cũng là một nhân tố chịu ảnh hưởng mạnh từ những biến động kinh tế địa chính trị trong những tháng đầu năm. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu tháng 1 ước đạt 5,43 nghìn tỷ JPY, giảm 6,9% so với cùng kỳ, là tháng đạt giá trị xuất khẩu thấp nhất kể từ đầu năm 2017 và cũng là tháng thứ 14 liên tiếp xuất khẩu có sự sụt giảm kim ngạch so với cùng kỳ. Với sự sụt giảm mạnh của kim ngạch xuất khẩu, thâm hụt thương mại tại Nhật trong tháng 1 đã đạt mức cao kỷ lục là 1313 tỷ JPY, cao gấp 8 lần so với tháng trước.

Tỷ lệ lạm phát trong tháng 1 tăng 0,7% và được NHTW Nhật Bản (BoJ) đánh giá là mức lạm phát phù hợp để hỗ trợ cho việc duy trì tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản. Trong cuộc họp điều hành CSTT diễn ra vào cuối tháng 2, BoJ đã đưa ra tuyên bố tạm dừng theo đuổi mục tiêu lạm phát 2% mà tập trung vào mục tiêu duy trì đà phục hồi bền vững cho nền kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp đã tăng từ mức 2,2% của tháng cuối năm ngoái lên đạt 2,4% trong tháng 1.

Tỷ lệ thất nghiệp



Doanh số bán lẻ hàng hóa tại Nhật Bản (yoy)

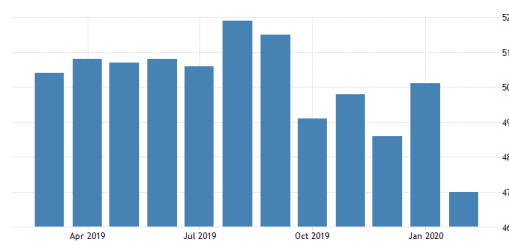


² Trong 2 tháng đầu năm 2020, tại Nhật Bản chỉ số PMI khu vực dịch vụ lần lượt đạt 51 và 46,7 điểm; PMI khu vực chế biến chế tạo lần lượt đạt 48,8 và 47,6 điểm.

Diễn biến lạm phát (yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp



Nguồn: Trading economics

Kinh tế Trung Quốc chịu tác động mạnh từ dịch Covid 19

Tăng trưởng kinh tế tại Trung Quốc năm 2019 ước đạt mức tăng 6,1%, thấp hơn mức tăng 6,6% của năm 2018 và là mức tăng trưởng thấp nhất trong 30 năm qua. Xu hướng tăng trưởng chậm lại tiếp tục diễn ra trong 2 tháng đầu năm 2020. Trong lĩnh vực sản xuất, chỉ số PMI tổng hợp đã giảm mạnh từ mức 51,9 điểm trong tháng 1 xuống còn 27,5 điểm trong tháng 2. Trong đó, chỉ số PMI chế biến chế tạo đã ghi nhận sự sụt giảm mạnh trong tháng 2 khi rơi xuống mức 40,3 điểm, mức thấp nhất kể từ khi thống kê chỉ số này bắt đầu vào năm 2004. Tình trạng thu hẹp mạnh mẽ này xuất phát từ sự đình đốn trong hoạt động sản xuất do các nhà máy đóng cửa trước sự bùng phát của dịch Covid 19 từ sau Tết Nguyên đán đến nay. Tương tự như vậy, PMI lĩnh vực dịch vụ cũng giảm mạnh từ mức 51,8 điểm của tháng 1 xuống mức thấp kỷ lục là 26,5 điểm trong tháng 2 trước những hạn chế về quá trình đi lại, mua sắm do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Lạm phát vẫn tiếp tục xu hướng gia tăng diễn ra từ tháng 10 năm ngoái với mức tăng đạt 5,4% trong tháng 1 do tiếp tục chịu tác động từ sự tăng giá thịt lợn, cầu tiêu dùng tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán.

Diễn biến cán cân thương mại tại Trung Quốc cũng ghi nhận nhiều biến động trong 2 tháng đầu năm. Kim ngạch xuất nhập khẩu giảm mạnh vào tháng 1 do ảnh hưởng của đợt nghỉ Tết Nguyên đán và phục hồi trở lại vào tháng 2. Bên cạnh đó, cán cân thương mại ghi nhận tình trạng nhập siêu trở lại trong 2 tháng đầu năm.

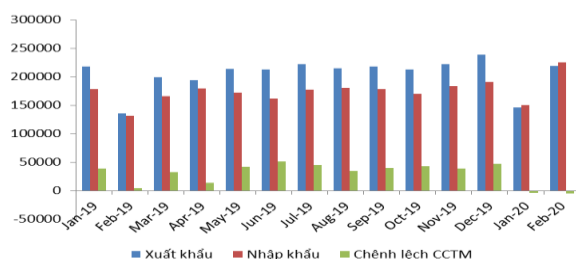
Lạm phát tại Trung Quốc (yoy)



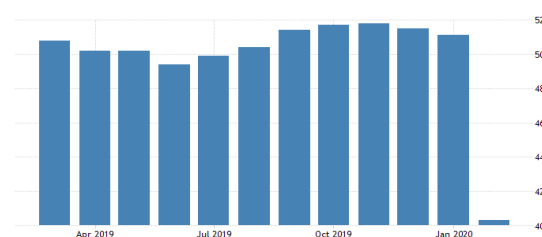
Doanh số bán lẻ hàng hóa của Trung Quốc (yoy)



Tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc (yoy)



Chỉ số PMI chế biến chế tạo của Trung Quốc



Nguồn: Trading Economics

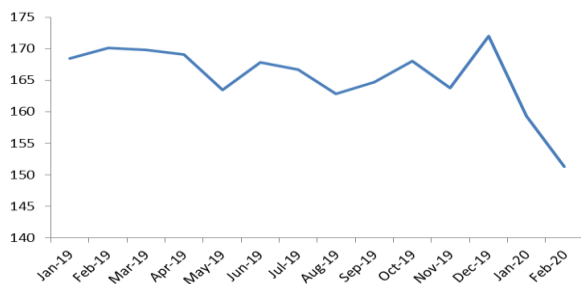
Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu giảm mạnh trong 2 tháng đầu năm

Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu đã điều chỉnh giảm mạnh ngay trong 2 tháng đầu năm 2020. Theo thống kê của Bloomberg, chỉ số giá hàng hóa tổng hợp đã giảm lần lượt 7,35% so với tháng trước trong tháng 1 và 5,04% trong tháng 2. Như vậy, hiện tại chỉ số giá hàng hóa chung đang ở mức 151,32 điểm, giảm 12,39% so với cuối năm ngoái.

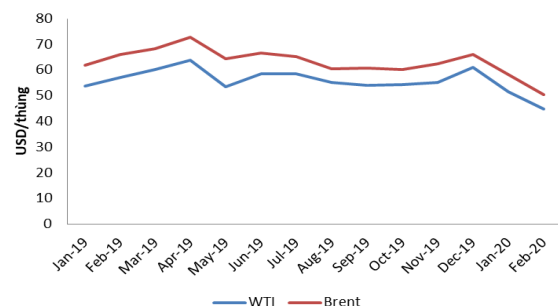
Xu hướng giảm của chỉ số giá hàng hóa chung trong 2 tháng qua chủ yếu xuất phát từ những lo ngại từ dịch cúm Corona khiến nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng nguyên liệu sụt giảm trên toàn cầu và xu hướng giảm này diễn ra trên hầu hết các nhóm mặt hàng chủ chốt. Cụ thể, thống kê của Bloomberg cho thấy nhiều mặt hàng kim loại sản xuất đã điều chỉnh giảm trên 10% trong vòng 2 tháng qua như đồng, nhôm, kẽm. Trong khi đó, giá nhiều mặt hàng nông nghiệp thô như ngô, lúa mì, đậu nành, cà phê, cacao, cao su, cotton,... có sự điều chỉnh giảm từ 5 – 12% trong 2 tháng đầu năm.

Trong xu hướng giảm của các nhóm hàng đáng chú ý là mức giảm mạnh của giá dầu do lo ngại tình trạng dư cung và giảm nhu cầu năng lượng khi kinh tế toàn cầu suy yếu. Chỉ trong vòng 2 tháng giá dầu đã giảm đến xấp xỉ 29% đối với giá dầu WTI và 25% đối với giá dầu Brent. Hiện tại, giá dầu WTI chốt phiên giao dịch cuối tháng 2 ở mức 44,76 USD/thùng và giá dầu Brent ở mức 50,52 USD/thùng, đều là những mức giá thấp nhất kể từ cuối năm 2018.

Diễn biến chỉ số giá hàng hóa chung



Diễn biến giá dầu



Nguồn: Bloomberg

2. Điều hành chính sách của NHTW các quốc gia

Trong 2 tháng đầu năm đã có nhiều NHTW giảm lãi suất và hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc

Trong 2 tháng đầu năm 2020, NHTW các nước tiếp tục nới lỏng CSTT khi ghi nhận 25 NHTW điều chỉnh giảm lãi suất hoặc hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc, trong khi đó chỉ có 2 NHTW điều chỉnh tăng lãi suất. Xu hướng nới lỏng CSTT của NHTW các nước tăng mạnh hơn từ sau ngày 23/1 khi dịch viêm phổi cấp bùng phát mạnh và khiến thành phố Vũ Hán Trung Quốc phải cách ly. Tính đến cuối tháng 2, chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê ở mức 5,45%, giảm 0,24% so với cuối năm ngoái.

Trong 2 tháng đầu năm, diễn biến điều hành CSTT của các nước có một số điểm đáng chú ý sau:

- NHTW các nước lớn bao gồm NHTW Mỹ Fed, NHTW châu Âu ECB, NHTW Nhật Bản BoJ mặc dù chưa có những thay đổi trong điều hành CSTT nhưng đều đưa ra các tuyên bố sẵn sàng thực hiện các biện pháp cần thiết để hỗ trợ nền kinh tế.

- Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) là ngân hàng trung ương lớn đầu tiên đã cắt giảm lãi suất trong năm 2020 để đối phó với ảnh hưởng của Covid

19. Ngày 20/2, PBoC đã hạ lãi suất cho vay trung hạn kỳ hạn một năm từ 4,15% xuống còn 4,05% và kỳ hạn 5 năm từ 4,8% xuống 4,75%. Trước đó, vào đầu tháng 2, PBoC đã bơm thêm 1,7 nghìn tỷ Nhân dân tệ tại các mức lãi suất thấp để cung cấp thêm thanh khoản cho hệ thống ngân hàng; cung cấp 300 tỷ Nhân dân tệ cho các ngân hàng tại các tỉnh chịu ảnh hưởng của dịch cúm; đồng thời thực hiện 30 biện pháp chính sách khác nhau để hỗ trợ cho các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, trong đó có cung ứng các khoản vay với lãi suất ưu đãi.

- Tiếp bước PBoC, nhiều NHTW các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi đã cắt giảm lãi suất trong 2 tháng đầu năm, trong đó đáng chú ý là NHTW Argentina cắt giảm lãi suất 5 lần, một loạt NHTW khu vực Đông Nam Á đã cắt giảm lãi suất sau khi dịch Covid 19 bùng phát và đồng nội tệ của các quốc gia này chịu áp lực giảm giá, bao gồm NHTW Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Phillippines.

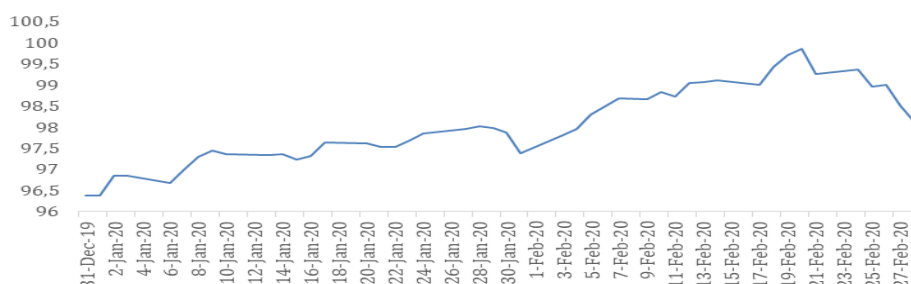
3. Diễn biến thị trường ngoại hối

Đồng USD đã tăng trở lại trước sự bùng phát của dịch Covid - 19

Diễn biến của đồng USD trong 2 tháng đầu năm về cơ bản khá sát với dự báo được đưa ra từ cuối năm ngoái – tiếp tục tăng giá so với các đồng tiền giao dịch khác trong bối cảnh rủi ro gia tăng mặc dù tăng trưởng kinh tế của nước Mỹ trong năm 2019 đã giảm đáng kể so với năm 2018. Sau 2 tháng giao dịch, đồng bạc xanh đã tăng hơn 1,8% đối với chỉ số giao ngay và tăng hơn 2,1% đối với chỉ số kỳ hạn. Diễn biến của USD index qua các tháng đã đảo chiều so với cùng kỳ năm ngoái, tăng 1,04% trong tháng 1/2020 và tăng 0,76% trong tháng 2/2020.

Trong 2 tháng đầu năm, sức mạnh của đồng bạc xanh đã được hỗ trợ lớn từ nhu cầu đầu tư tài sản an toàn gia tăng trong bối cảnh rủi ro rình rập gia tăng hàng ngày trước những ảnh hưởng và sự bùng phát khó dự đoán của dịch bệnh Covid - 19 bắt nguồn từ Trung Quốc. Ngoài ra, tình trạng căng thẳng thương mại với Trung Quốc đã dịu lại thể hiện qua việc ký kết thỏa thuận giai đoạn 1 giữa hai nước, diễn biến tích cực của việc làm,... đã hỗ trợ nhất định cho đà tăng của đồng USD trong tháng 1. Tác động của dịch bệnh được phản ánh rõ nét nhất trong tháng 2 khi USD index có diễn biến tăng là chủ yếu, diễn biến giảm chỉ xuất hiện trong 06 ngày giao dịch, ghi nhận mức chỉ số cao nhất lớn hơn 99 vào ngày 12/2 và kéo dài đến ngày 26/2 trước khi giảm vào 02 ngày giao dịch cuối tháng. Mặc dù mức tăng không mạnh, giao động trong khoảng từ 0,02 – 0,44%/ngày giao dịch nhưng đồng USD đã tăng giá so với phần lớn các đồng tiền giao dịch trên thị trường khi kinh tế Mỹ gần như đang có lợi thế nhiều hơn trong nhóm các nước lớn. Kết thúc tháng 2, chỉ số USD giao ngay và kỳ hạn chốt giao dịch ở mức 98.13 và 98.081.

Diễn biến chỉ số USD Index



Nguồn: investing.com

Đồng EUR và đồng GBP cùng giảm, biến động mạnh hơn so với cùng kỳ năm ngoái

Trong 2 tháng đầu năm, bầu không khí của dịch bệnh bao phủ toàn cầu đã làm gia tăng thêm các mối lo ngại cho các nền kinh tế mạnh tại khu vực Châu Âu. Dự báo tươi sáng hơn cho tương lai của đồng tiền chung của khu vực vào cuối năm ngoái chưa thành hiện thực, đồng EUR đã giảm lớn hơn 1,6% so với đồng USD – cao hơn so với mức giảm chưa đến 1% của cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, đồng EUR đã giảm lớn hơn 1% vào tháng 1/2020 và giảm khoảng 0,61% vào tháng 2/2020. Diễn biến giảm qua 2 tháng của đồng EUR tiếp tục chịu sức ép từ diễn biến kinh tế tiếp tục xấu đi so với các năm trước, niềm tin kinh doanh và kỳ vọng về khả năng tăng trưởng kinh tế của các nước lớn (Đức, Pháp, Ý,...) trong khu vực liên tục trỗi sụt trong bối cảnh căng thẳng thương mại và dịch bệnh gia tăng. Bên cạnh đó, những quan ngại về tình hình bất ổn tại Pháp, Đức và diễn biến của Hiệp ước Brexit cũng có ảnh hưởng không tích cực đối với nhu cầu nắm giữ đồng EUR trên thị trường. Trong tháng 2, đồng EUR có chuỗi giảm gần như liên tục kéo dài từ đầu tháng cho đến hết ngày 20/2 trước khi có gần một tuần tăng đến hết tháng. Đồng EUR cũng đã tăng mạnh lớn hơn 1% vào ngày 27/2 trước xu hướng giảm của đồng USD và quyết định ấn định phiên đàm phán thương mại giữa Anh và EU. Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá EUR/USD chốt giao dịch ở mức 1.1026.

Trong khi đó, sau 2 tháng giao dịch, đồng bảng Anh cũng có diễn biến thiếu tích cực, giảm hơn 3% so với đồng USD – diễn biến trái ngược với xu hướng tăng của cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, đồng GBP đã giảm 0,45% trong tháng 1/2020 và giảm mạnh trên 2,8% vào tháng 2/2020. Xu hướng hồi phục của đồng GBP vào tháng 12 năm ngoái, sau khi nước Anh được phép thông qua thỏa thuận rút khỏi EU với nỗi lo về khả năng Brexit không có thỏa thuận đã vơi đi và đã không còn kéo dài sang những tháng đầu năm mới. Thay vào đó, đồng GBP lại phải đối mặt với áp lực kinh tế ngày càng xấu đi kể từ khi Brexit được khởi xướng và quan ngại càng gia tăng khi nước Anh chính thức rời khỏi EU vào ngày 31/1/2020 để bắt đầu cho các vòng đàm phán về thương mại, đầu tư, tài chính,... với những kết quả còn khó dự đoán. Áp lực đó được phản ánh rõ nét thông qua diễn biến của đồng GBP trong tháng 2/2020 khi chỉ có 07 ngày giao dịch tăng và ghi nhận 02 chuỗi giảm gần như liên tục từ ngày 3 – 7/2 và từ ngày 17/2 cho đến hết tháng với tổng mức giảm lên đến 4%. Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá GBP/USD chốt giao dịch ở mức 1.2821.

Bên cạnh đó, 02 đồng tiền mạnh khác là đồng AUD và đồng CAD đều giảm so với đồng USD sau 2 tháng giao dịch. Theo đó, đồng AUD giảm hơn 7%, giảm trên 4% trong tháng 1/2020, diễn biến giảm xuất hiện liên tục và kéo dài, số ngày giao dịch tăng chỉ diễn ra trong khoảng 05 ngày mỗi tháng. Xu hướng giảm mạnh của đồng AUD tác động từ tình hình dịch bệnh và rủi ro của nền kinh tế Trung Quốc, tình trạng cháy rừng, quan điểm điều hành chính sách tiền tệ ít ôn hòa hơn so với thị trường kỳ vọng. Không giảm mạnh như đồng AUD nhưng đồng CAD cũng giảm lớn hơn 3% – tương đương với mức tăng của cùng kỳ năm ngoái. Diễn biến giảm của CAD ngoài những yếu tố tác động mang tính toàn cầu cũng chịu ảnh hưởng từ tình hình kinh tế trong nước và xu hướng giảm của giá dầu. Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá AUD/USD chốt giao dịch ở mức 0.6510 và cặp tỷ giá USD/CAD chốt giao dịch ở mức 1.3398.

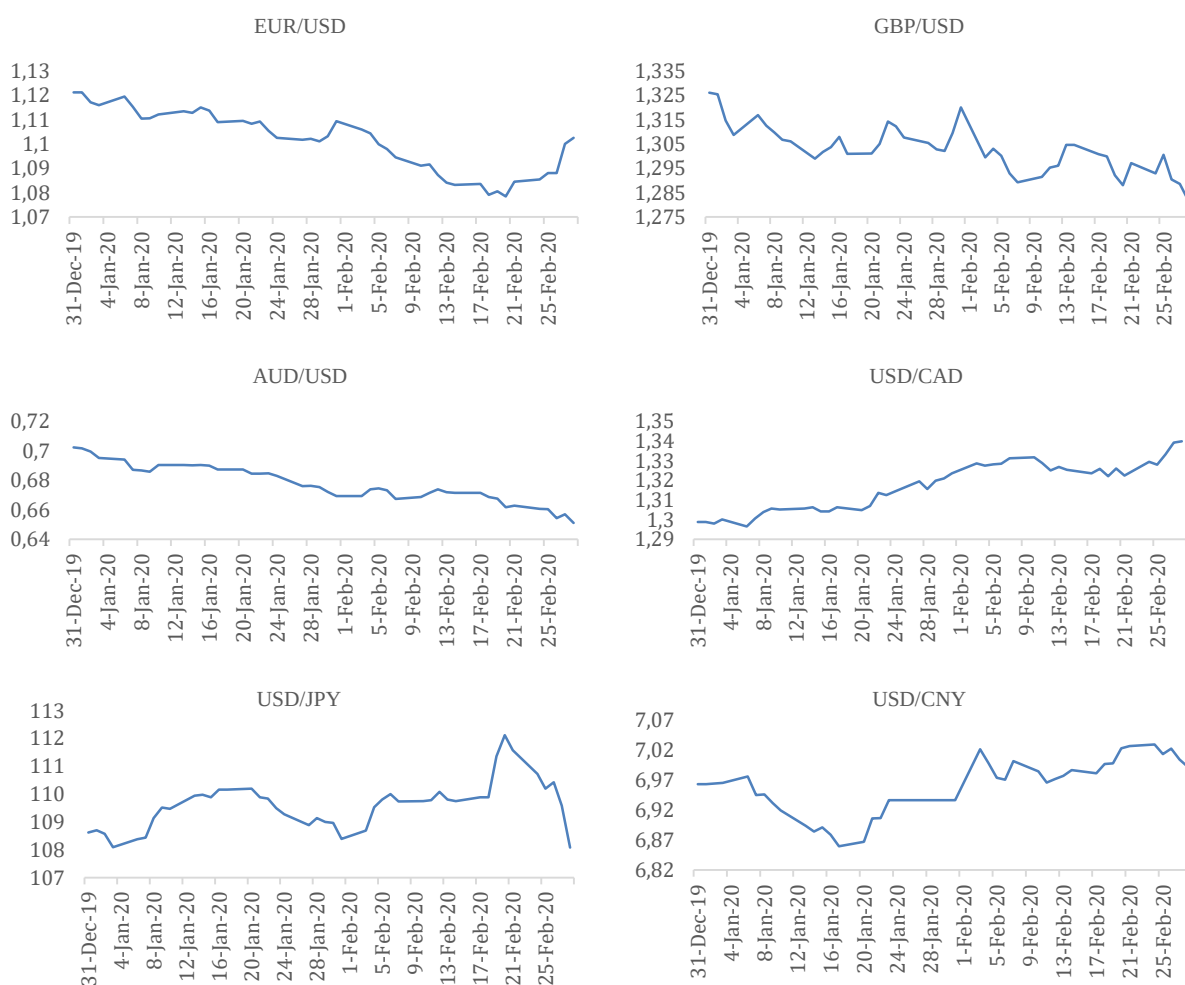
Đồng JPY và đồng CNY tiếp tục có diễn biến trái chiều

Trong 2 tháng đầu năm 2020, đồng JPY đã tăng 0,5% so với đồng USD, lần lượt tăng ở mức 0,21% vào tháng 1/2020 và 0,29% vào tháng 2/2020. Diễn biến của đồng JPY trong 02 tháng khá tương đồng khi có chuỗi giảm gần như liên tục trong 20 ngày giao dịch đầu tháng trước khi tăng vào tuần giao dịch cuối tháng, trong đó cũng đã ghi nhận mức tăng, giảm mạnh của đồng JPY lớn hơn

1,35%/ngày giao dịch vào ngày 19 và ngày 28/2. Mặc dù diễn biến kinh tế của Nhật Bản tiếp tục đón nhận thêm những kết quả thiếu tích cực nhưng lo ngại về virus corona đã hỗ trợ đồng Yên, đồng tiền được coi là nơi trú ẩn an toàn vì Nhật Bản là nước chủ nợ ròng có bảo đảm. Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá USD/JPY giao dịch ở mức 108.08.

Trong khi đó, đồng CNY đã giảm khoảng 0,41% so với đồng USD sau 2 tháng giao dịch. Theo đó, đồng CNY đã tăng 0,38% trong tháng 1/2020 và giảm 0,8% trong tháng 2/2020. Diễn biến tăng trong tháng 1/2020 được hỗ trợ bởi tín hiệu lạc quan về đàm phán thương mại Mỹ - Trung giai đoạn 1 và việc Mỹ loại Trung Quốc ra khỏi danh sách các quốc gia theo dõi thao túng tiền tệ. Sau động thái của Mỹ, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBoC) đã tiếp tục nâng tỷ giá tham chiếu Nhân dân tệ lên mức 6,8954 tệ đổi 1 USD, mức cao nhất kể từ tháng 8 năm ngoái. Tại thị trường ngoài Trung Quốc đại lục, tỷ giá Nhân dân tệ tăng lên mức 6,877 tệ đổi 1 USD, cũng là mức cao nhất kể từ tháng 7/2019. Tuy nhiên đà tăng này cũng không thể kéo dài trước diễn biến của dịch viêm phổi Vũ Hán và những ảnh hưởng của nó tới kinh tế Trung Quốc. Trong tháng 2, đồng CNY đã giảm mạnh ở mức 1,22% vào ngày giao dịch đầu tiên của tháng, giao dịch trở lại ở ngưỡng giá tâm lý trên 7 sau khi giao dịch quanh ngưỡng 6,9 trong tháng 1/2020. Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá USD/CNY giao dịch ở mức 6.9920.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh



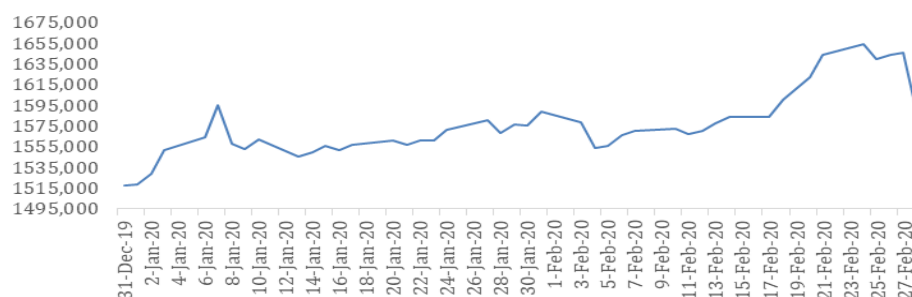
Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường vàng

Giá vàng tiếp tục tăng, thiết lập ngưỡng giá cao mới

Tiếp nối đà tăng của năm ngoái, giá vàng tiếp tục tăng trong 2 tháng đầu năm trước rủi ro kinh tế, chính trị, đặc biệt là dịch bệnh bùng phát. Qua 2 tháng, giá vàng đã tăng lớn hơn 4,5% đối với vàng giao ngay, trong đó tăng 4,73% vào tháng 1/2020 và giảm 0,18% trong tháng 2/2020. Mặc dù kết thúc tháng, tổng mức biến động của giá vàng có khác nhau nhưng nhìn chung trong 2 tháng giá vàng đã giữ được đà tăng gần như liên tục, diễn biến tăng chỉ xuất hiện trong khoảng 5 ngày giao dịch. Diễn biến giảm chỉ kéo dài nhiều nhất trong 02 ngày giao dịch khi xuất hiện tín hiệu tăng của thị trường chứng khoán Mỹ, kỳ vọng hạ lãi suất của Fed hay khi Ngân hàng PBoC của Trung quốc mạnh tay hỗ trợ thị trường thông qua việc giảm lãi suất trung hạn, hay bơm thêm tiền vào nền kinh tế. Trong khi đó diễn biến tăng chủ yếu được hỗ trợ bởi tình hình dịch bệnh và những rủi ro xuất hiện từ việc bùng phát Covid - 19 về sự yếu kém của kinh tế toàn cầu. Giá vàng đã lập tức tăng cao hơn 1% trong ngày giao dịch 18/2, thiết lập mức giá cao mới trên 1.600 USD/ounce cho đến ngày 27/2 trước khi giảm mạnh vào ngày giao dịch cuối tháng. Trong tháng 2, mặc dù giá vàng gần như đã tăng liên tục từ đầu tháng cho đến ngày 27/2 với tổng mức tăng lên đến 5,88%, tuy nhiên mức giảm mạnh trên 3,6% vào ngày cuối cùng của tháng cùng với các phiên giảm rải rác trong tháng đã chặn lại đà tăng của giá vàng. Đồng thời, giá vàng cũng tuột khỏi ngưỡng giá cao đã thiết lập trong tháng, giao dịch ở mức 1.586,16 USD/ounce. Giá vàng đã giảm mạnh trong ngày giao dịch cuối tháng ngay cả khi thị trường chứng khoán Mỹ lao dốc, vàng đã bị bán tháo mạnh khi giới đầu tư quan ngại về sự an toàn đối với việc kiểm soát dịch trên thế giới. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu trên toàn cầu do chuỗi cung ứng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh cũng khiến dòng tiền chảy vào các kênh đầu tư hàng hóa, vì thế đã làm giảm nhu cầu đối với vàng. Mặc dù vậy, vào thời điểm cuối tháng 2, giới phân tích cho rằng nhu cầu trú ẩn vào vàng vẫn còn rất lớn và xu hướng nói lỏng tiền tệ tại nhiều ngân hàng trung ương lớn sẽ thúc đẩy giá vàng lên ngưỡng 1.700 USD/ounce, thậm chí, có dự báo nhận định, nếu việc lây lan của virus Corona khó được kiểm soát thì giá vàng có thể lên tới 2.000 USD/ounce trong thời gian tới.

Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: usagold.com

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu giảm mạnh

Thị trường chứng khoán toàn cầu đã không duy trì được đà tăng của năm 2019. Thị trường bắt đầu điều chỉnh giảm từ nửa cuối tháng 1 do chịu áp lực từ sự gia tăng các căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông và những lo ngại về việc xuất hiện dịch cúm Covid 19. Xu hướng giảm càng trở nên mạnh mẽ hơn vào tháng 2, đặc biệt trong tuần cuối tháng khi tình hình dịch bệnh trở nên bùng phát. Theo đó, chỉ số MSCI ACWI đã điều chỉnh giảm

1,02% so với tháng trước trong tháng 1 và tiếp tục giảm mạnh hơn ở mức 8,21% trong tháng 2, trong đó riêng tuần cuối tháng 2 thị trường đã lao dốc hơn 13%. Như vậy, kết thúc tháng 2, chỉ số MSCI ACWI ở mức 512,76 điểm, giảm 9,23% so với cuối năm ngoái. Diễn biến suy giảm được ghi nhận trên tất cả các thị trường chứng khoán chủ chốt trên toàn cầu.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI



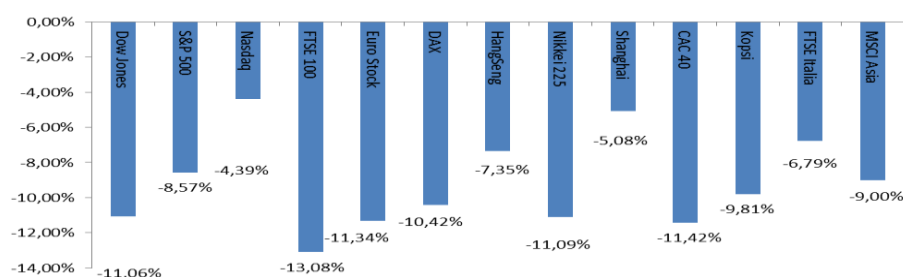
Nguồn: msci.com

Thị trường chứng khoán Mỹ là thị trường nhạy cảm nhất với những diễn biến của các nền kinh tế, tình hình dịch bệnh và chính trị trên toàn cầu. Cả 3 chỉ số chủ chốt là chỉ số Dow Jones, S&P 500 và Nasdaq đều điều chỉnh giảm nhẹ trong tháng 1 và lao dốc mạnh trên 10% trong tuần cuối tháng 2 - mức điều chỉnh theo tuần mạnh nhất của các chỉ số này kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Như vậy, sau 2 tháng đầu năm, chỉ số Dow Jones ghi nhận mức giảm mạnh nhất trong 3 chỉ số ở mức 11% so với cuối năm trước, chỉ số S&P 500 giảm gần 9% và chỉ số Nasdaq giảm hơn 4%.

Tại khu vực Châu Âu, cùng với những lo ngại chung thì tình hình bất ổn chính trị nội khối chưa được giải quyết triệt để và diễn biến xấu đi của các nền kinh tế chủ chốt trong khu vực khiến chỉ số Euro Stock chót tháng 2 giảm hơn 11% so với cuối năm trước, trong đó riêng tháng 2 mức giảm đã xấp xỉ 9%. Thị trường chứng khoán Anh diễn biến kém tích cực nhất trong khu vực với tổng mức giảm qua 2 tháng là 13%, các thị trường chứng khoán Đức, Pháp, Italia cũng ghi nhận những mức giảm mạnh trên dưới 10%.

Tại Châu Á, các thị trường chứng khoán trong khu vực đều chịu ảnh hưởng nặng nề từ sự bùng phát của dịch Covid 19. Chỉ số MSCI khu vực châu Á Thái Bình Dương đã giảm 9% so với cuối năm ngoái, trong đó chỉ số Nikkei 225 của Nhật giảm 11%, chỉ số Hang Seng của Hồng Kông giảm hơn 7%, chỉ số Shanghai của Trung Quốc giảm hơn 5%. Đáng chú ý một số thị trường chứng khoán khu vực Đông Nam Á là những đối tác thương mại đầu tư lớn với Trung Quốc đã ghi nhận những mức điều chỉnh giảm mạnh như thị trường Thái Lan giảm hơn 16%, Indonesia giảm hơn 24%, Singapore và Malaysia giảm khoảng 6%.

Diễn biến tăng trưởng các chỉ số chứng khoán chủ chốt qua 2 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Bloomberg

KINH TẾ TRONG NƯỚC

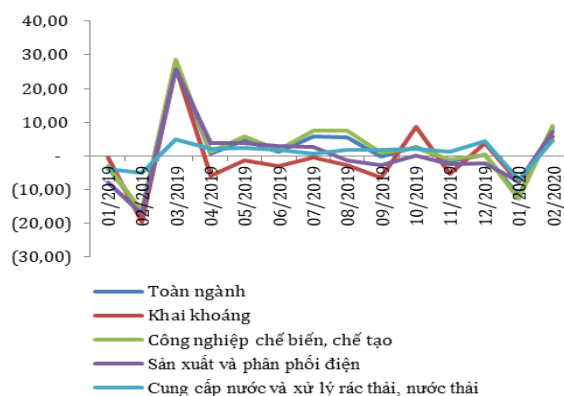
1. Tăng trưởng kinh tế

Tình hình sản xuất công nghiệp 2 tháng đầu năm đạt mức tăng thấp nhất trong 3 năm gần đây

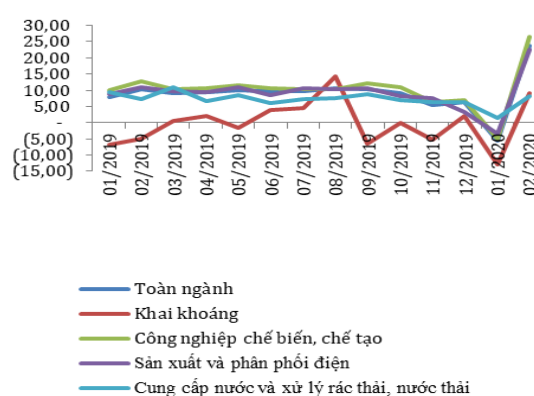
Tình hình sản xuất công nghiệp trong 2 tháng đầu năm bên cạnh những tác động mang tính quy luật, đã bắt đầu bị ảnh hưởng bởi diễn biến dịch bệnh Covid – 19. Trên cơ sở đó, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 1/2020 ước tính giảm 11,8% so với tháng trước và giảm 5,5% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do thời gian sản xuất rơi vào dịp lễ tết. Diễn biến giảm đã diễn ra ở hầu hết các nhóm ngành, ngoại trừ ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải (tăng 1,6%), cụ thể ngành khai khoáng giảm 12,9%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 4,8%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 3,5%.

Bước sang tháng 2, tình hình đã được cải thiện hơn khi IIP tháng 2/2020 ước tính tăng 8,4% so với tháng trước và tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 9,2%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 26,4%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 22,5%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,3%.

Diễn biến IIP so với tháng trước



Diễn biến IIP so với cùng kỳ



Nguồn: TCTK

Tính chung 2 tháng đầu năm, IIP ước tính tăng 6,2% so với cùng kỳ năm ngoái – mức tăng thấp nhất trong 3 năm trở lại đây (so với cùng kỳ năm 2018 tăng 13,7% và năm 2019 là 9,2%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,4% (cùng kỳ năm trước tăng 11,4%), đóng góp 6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,4% (cùng kỳ năm trước tăng 9,3%), đóng góp 0,7 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,9% (cùng kỳ năm trước tăng 6,4%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 3,7% (cùng kỳ năm trước giảm 3,5%), làm giảm 0,6 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Trong diễn biến của IIP 2 tháng đầu năm những tác động của dịch bệnh Covid – 19 đã bắt đầu xuất hiện trên một số nhóm ngành. Đáng chú ý là việc sụt giảm nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ Trung Quốc phục vụ sản xuất một số ngành công nghiệp đã phản ánh rõ nét lên xu hướng tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp cấp II. Cụ thể, khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 8,6%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 5,2%; sản xuất xe có động cơ giảm 4,8%; sản xuất đồ uống giảm 3,1%; sản xuất thiết bị điện giảm 2,9%; sản xuất trang phục tăng 0,2%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 0,9%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 4,6%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 4,9%. Tuy nhiên, bên cạnh

đó cũng đã có một số ngành có chỉ số sản xuất 2 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: khai thác quặng kim loại tăng 25,4%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 19,4%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 18,6%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 14,8%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 13,4%; khai thác than cứng và than non tăng 10,4%.

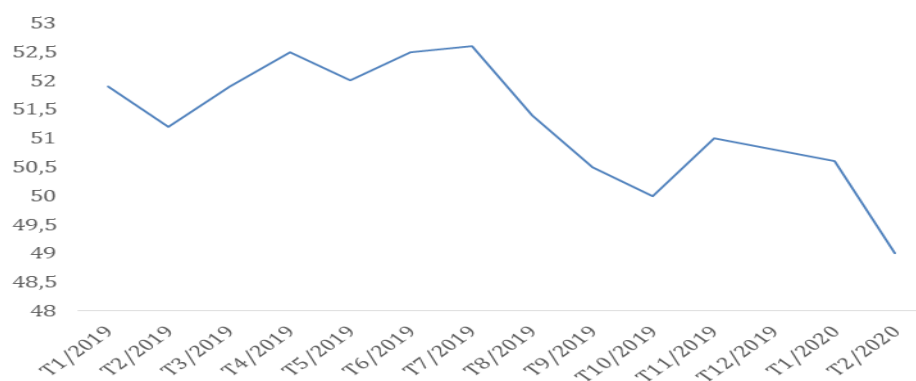
Các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất đã rơi xuống ngưỡng thu hẹp

Diễn biến của chỉ số Nhà quản trị mua hàng - PMI ngành sản xuất của Việt Nam liên tục giảm trong 2 tháng đầu năm 2020, xuống ngưỡng 50 điểm trong tháng 2/2020 trước những tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid - 19 trên toàn cầu. Cụ thể, PMI trong tháng 1/2020 đã giảm nhẹ từ mức 50,8 điểm trong tháng 12/2019 xuống mức 50,6 điểm; ghi nhận diễn biến giảm của sản lượng ngành sản xuất, giá cả đầu vào tăng với tốc độ nhanh nhất trong tám tháng do chi phí hàng hoá nhập khẩu tăng và tình trạng khan hiếm nguồn cung, giá bán hàng tăng được ghi nhận tháng thứ hai liên tiếp.

Mặc dù vậy, tình hình đã thật sự xấu đi trong tháng 2/2020 khi chỉ số PMI lần đầu tiên giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm trong hơn 4 năm qua, ở mức 49 điểm. Trong tháng 2 diễn biến thiếu tích cực đã xuất hiện hầu hết trên các thành tố chính, cụ thể:

- + Sản lượng giảm với tốc độ nhanh nhất trong hơn sáu năm rưỡi qua;
- + Số lượng đơn đặt hàng mới giảm lần đầu tiên kể từ tháng 11/2015, một phần lớn là do số lượng đơn đặt hàng mới từ Trung Quốc giảm;
- + Hoạt động mua hàng đã giảm lần đầu tiên trong hơn 4 năm với mức giảm mạnh trong lịch sử chỉ số, ghi nhận mức giảm trên cả 2 tiểu lĩnh vực là hàng hóa tiêu dùng và hàng hoá trung gian;
- + Việc làm đã giảm nhanh nhất trong hơn 6 năm qua; Số lượng nhân công cũng giảm;
- + Giá cả đầu vào đã tăng trước tình trạng khan hiếm hàng hóa Trung Quốc. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhu cầu giảm sút, các công ty phải tự gánh chịu chi phí bổ sung, các công ty phải giảm giá cả đầu ra trung bình - lần giảm đầu tiên trong ba tháng và mức giảm chung là vừa phải. Hàng hóa đầu tư cơ bản là tiểu lĩnh vực duy nhất có giá cả đầu ra tăng.
- + Mức độ lạc quan giảm xuống mức thấp nhất trong lịch sử chỉ số, do lo ngại về tác động kéo dài của Covid - 19.

Diễn biến chỉ số PMI



Nguồn: Nikkei

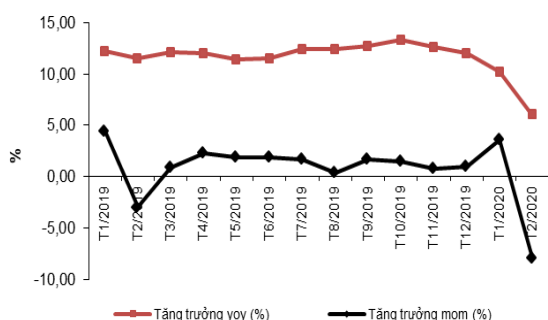
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng diễn biến kém tích cực

Trong tháng 1, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vẫn duy trì đà tăng trưởng tốt nhờ nhu cầu mua sắm tăng cao dịp Tết Nguyên đán với mức tăng 3,6% so với tháng trước và 10,2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, bước sang tháng 2, do ảnh hưởng từ kỳ nghỉ Tết dài và đặc biệt là tác động từ dịch Covid – 19, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã có sự điều chỉnh giảm mạnh 7,9% so với tháng trước và chỉ đạt mức tăng 6% so với cùng kỳ.

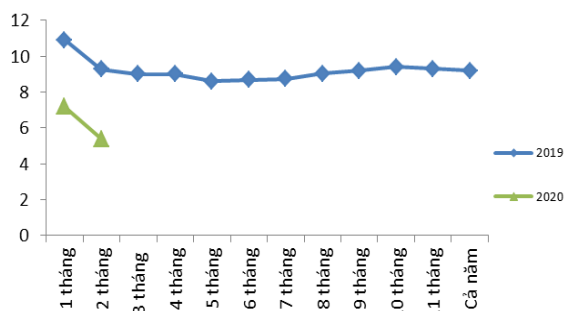
Như vậy, tính chung 2 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 863,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất của 2 tháng kể từ năm 2014 đến nay³. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt mức tăng 5,4%, thấp hơn mức tăng 9,3% của cùng kỳ năm trước.

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú ăn uống và dịch vụ lữ hành 2 tháng đầu năm lần lượt đạt mức tăng 9,8%, 1,7% và 1,1% so với cùng kỳ, thấp hơn nhiều mức tăng lần lượt đạt 13,3%, 10,8% và 12,8% của cùng kỳ năm ngoái do ảnh hưởng của dịch bệnh khiến các hoạt động tiêu dùng, mua sắm, giải trí đều đã trở nên hạn chế.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)



Nguồn: TCTK

Vốn giải ngân từ nguồn NSNN qua 2 tháng đầu năm tăng trưởng cao so với cùng kỳ

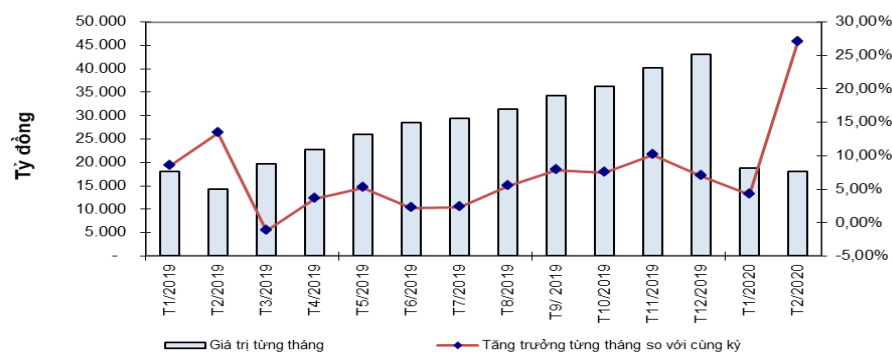
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 1 đạt 18.796 tỷ đồng, tăng 4,24% so với cùng kỳ năm 2019; tháng 2 ước tính đạt 18.125 tỷ đồng, tăng mạnh 28,7% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 2 tháng đầu năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 36.921 tỷ đồng, bằng 8,3% kế hoạch năm và tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước, (cùng kỳ năm 2019 bằng 8,2% và tăng 3,8%).

Qua 2 tháng đầu năm, tăng trưởng vốn đầu tư từ cả hai khu vực vốn Trung ương và vốn địa phương đều đạt mức tăng trưởng tốt so với cùng kỳ, cụ thể vốn Trung ương quản lý đạt 5 nghìn tỷ đồng, bằng 7,2% kế hoạch năm và tăng 21,1% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 31,9 nghìn tỷ đồng, bằng 8,5% kế hoạch năm và tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2019.

³ Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 2 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2014-2020 lần lượt là: 13,7%; 11,3%; 9,9%; 9,6%; 10,4%; 12,2%; 8,3%.

Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN



Nguồn: TCTK

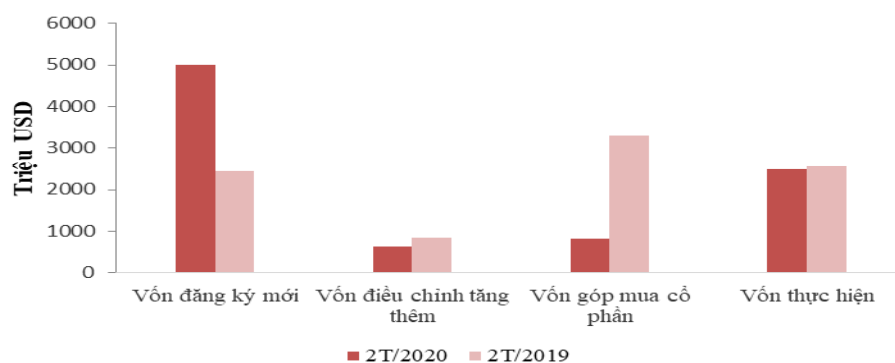
Vốn đầu tư nước ngoài giảm so với cùng kỳ

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến 20/2/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 6,5 tỷ USD, giảm 23,6% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó tháng 1 đạt xấp xỉ 5,3 tỷ USD, tháng 2 ước đạt 1,2 tỷ USD.

Trong tất cả các cấu phần vốn, dòng vốn đăng ký cấp mới qua 2 tháng ước đạt 5 tỷ USD, giảm 2,7% về số dự án nhưng tăng 104,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng của cấu phần vốn này chủ yếu là nhờ trong tháng 1 đã thu hút được một dự án lớn thuộc lĩnh vực năng lượng trị giá 4 tỷ USD⁴. Trong khi đó, số vốn tăng thêm qua 2 tháng ước đạt 638,1 triệu USD, giảm 25,4%; vốn góp mua cổ phần ước đạt 827,3 triệu USD, giảm 84% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh sự chững lại của một số cấu phần vốn vào mới, vốn FDI thực hiện qua 2 tháng ước đạt 2,5 tỷ USD, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước và là lần giảm đầu tiên trong giai đoạn 2016 – 2020⁵.

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 2 tháng 2020 và 2 tháng 2019



Nguồn: TCTK

Xét theo lĩnh vực đầu tư, với 1 dự án đầu tư trị giá 4 tỷ USD trong tháng 1, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí là ngành thu hút được lượng vốn đăng ký cấp mới lớn nhất, chiếm tỷ trọng 79,9% tổng vốn trong 2 tháng đầu năm; tiếp đến là ngành chế biến, chế tạo chiếm 16%; các ngành còn lại chiếm 4,1%.

⁴ Dự án Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Bạc Liêu thuộc Trung tâm nhiệt điện LNG Bạc Liêu (Singapore), tổng vốn đầu tư đăng ký 4 tỷ USD với mục tiêu sản xuất điện từ khí tự nhiên hóa lỏng LNG.

⁵ Vốn đầu tư thực hiện 2 tháng các năm 2016-2020 lần lượt là: 1,5 tỷ USD; 1,6 tỷ USD; 2,4 tỷ USD; 2,6 tỷ USD; 2,5 tỷ USD.

Xét theo đối tác đầu tư, qua 2 tháng Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với tổng vốn góp chiếm 82,2% tổng vốn đăng ký cấp mới, tiếp theo là Trung Quốc chiếm 8,4%, Hồng Kông chiếm 3,3%.

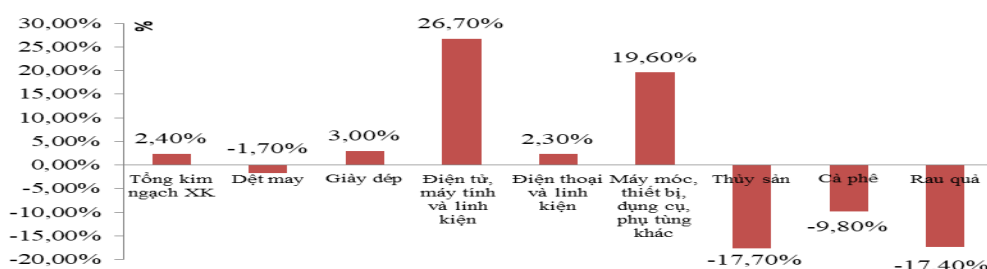
Kim ngạch xuất khẩu tháng 1 và tháng 2 đã giảm xuống dưới 20 tỷ USD

Trong 2 tháng đầu năm 2020, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 36,92 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu tháng 1 đạt 18,32 tỷ USD, tháng 2 ước đạt 18,6 tỷ USD. Xét theo khu vực kinh tế, kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước đạt 11,41 tỷ USD, tăng 6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 25,51 tỷ USD, tăng 0,9%. Đây đều là những mức tăng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019⁶, phản ánh hoạt động xuất khẩu 2 tháng đầu năm cũng chịu những tác động nhất định từ dịch Covid 19.

Sự gia tăng của kim ngạch xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm vẫn tập trung chủ yếu ở các mặt hàng chủ lực như dệt may, giày dép, điện tử, máy tính, linh kiện,..., trong đó nhiều mặt hàng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt so với cùng kỳ⁷. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng thuộc nhóm nông sản, thủy sản giảm so với cùng kỳ năm trước⁸.

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2020 với kim ngạch đạt 9,8 tỷ USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm trước; Trung Quốc đạt 4,8 tỷ USD, tăng 3,7%; thị trường EU đạt 5 tỷ USD, giảm 7,7%; ASEAN đạt 3,5 tỷ USD, giảm 9,3%; Nhật Bản đạt 3,2 tỷ USD, tăng 8,9%; Hàn Quốc đạt 2,7 tỷ USD, giảm 6,5%.

Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực 2 tháng đầu năm 2020 (% so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK

Kim ngạch nhập khẩu tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ

Trong 2 tháng đầu năm 2020, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 37,10 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 15,35 tỷ USD, tăng 2,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 21,75 tỷ USD, tăng 2,2%. Mức tăng này thấp hơn so với mức tăng của 2 tháng đầu năm 2019⁹.

⁶ 2 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu đạt 36,68 tỷ USD, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 10,72 tỷ USD, tăng 9,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 25,96 tỷ USD, tăng 4,3%

⁷ Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực 2 tháng đầu năm 2020: Điện thoại và linh kiện đạt 6,9 tỷ USD, tăng 2,3%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 5,4 tỷ USD, tăng 26,7%; hàng dệt may đạt 4,5 tỷ USD, giảm 1,7%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 3 tỷ USD, tăng 19,6%; giày dép đạt 2,7 tỷ USD, tăng 3%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,5 tỷ USD, tăng 7,1%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 1,4 tỷ USD, tăng 4%.

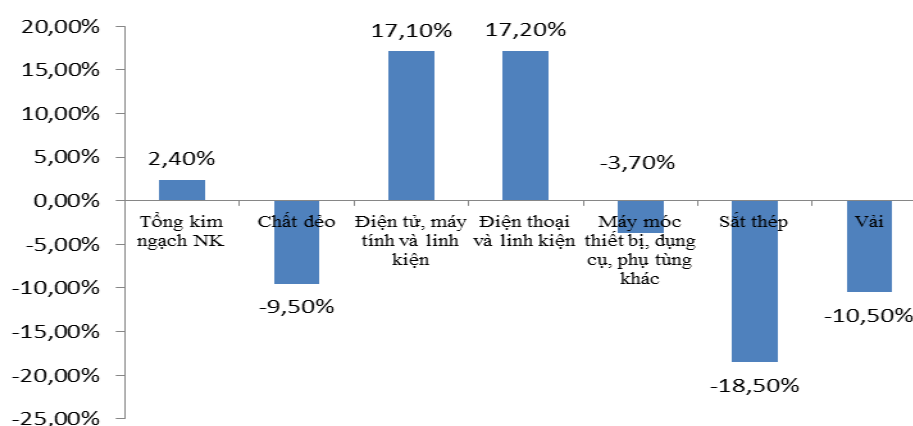
⁸ Kim ngạch xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2020 của một số mặt hàng nông thủy sản: Thủy sản đạt 912 triệu USD, giảm 17,7%; cà phê đạt 497 triệu USD, giảm 9,8% (lượng giảm 6,6%); rau quả đạt 481 triệu USD, giảm 17,4%; hạt điều đạt 315 triệu USD, giảm 19,3% (lượng giảm 6%); cao su đạt 231 triệu USD, giảm 24,2% (lượng giảm 32,4%); hạt tiêu đạt 81 triệu USD, giảm 18,8% (lượng giảm 2,8%).

⁹ 2 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 36,76 tỷ USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 15,29 tỷ USD, tăng 11%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 21,47 tỷ USD, tăng 5,1%.

Sự gia tăng của kim ngạch nhập khẩu trong 2 tháng đầu năm xuất phát từ sự gia tăng mạnh nhập khẩu từ 2 nhóm hàng vật liệu trung gian phục vụ việc gia công hàng xuất khẩu là nhóm hàng điện tử, máy tính, linh kiện và nhóm hàng điện thoại linh kiện; trong khi đó nhiều nhóm hàng nguyên vật liệu trung gian phục vụ cho sản xuất trong nước có tốc độ tăng trưởng giảm so với cùng kỳ¹⁰.

Về thị trường hàng hóa nhập khẩu trong 2 tháng, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước tính đạt 10 tỷ USD, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước; Hàn Quốc đạt 8 tỷ USD, tăng 9%; ASEAN đạt 4,5 tỷ USD, giảm 9,6%; Nhật Bản đạt 2,8 tỷ USD, tăng 0,2%; EU đạt 2,1 tỷ USD, tăng 3,5%; Hoa Kỳ đạt 2,1 tỷ USD, tăng 13,6%.

Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực 2 tháng đầu năm 2020 (% so với cùng kỳ)

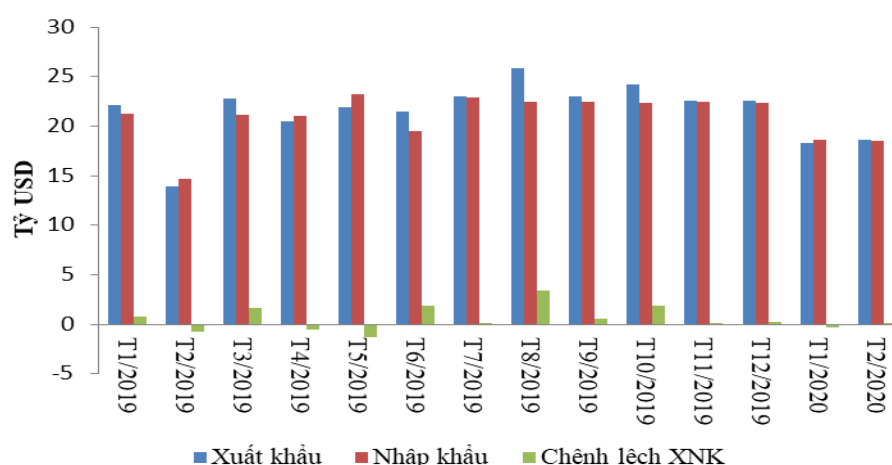


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại ước nhập siêu 176 triệu USD qua 2 tháng

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng 1 nhập siêu 276 triệu USD, tháng 2 ước tính xuất siêu 100 triệu USD. Tính chung 2 tháng đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa ước tính nhập siêu 176 triệu USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 3,94 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 3,76 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và nhập siêu giai đoạn 1/2019 – 2/2020



Nguồn: TCTK

¹⁰ Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ lực 2 tháng đầu năm 2020: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 8,6 tỷ USD, tăng 17,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 5,3 tỷ USD, giảm 3,7%; điện thoại và linh kiện đạt 2,1 tỷ USD, tăng 17,2%; vải đạt 1,6 tỷ USD, giảm 10,5%; chất dẻo đạt 1,2 tỷ USD, giảm 9,5%; sắt thép đạt 1,1 tỷ USD, giảm 18,5%.

Một số VBPL chính sách quan trọng liên quan đến điều tiết tăng trưởng kinh tế được ban hành trong 2 tháng đầu năm 2020

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 2/1/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

Để thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, Nghị quyết đề ra 6 trọng tâm chỉ đạo điều hành và 10 nhóm nhiệm vụ giải pháp.

6 trọng tâm chỉ đạo điều hành

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khơi thông nguồn lực, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi; nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật.

Hai là, tập trung ổn định kinh tế vĩ mô; kiểm soát lạm phát; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, năng lực nội tại và tính tự chủ của nền kinh tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng thực chất, hiệu quả hơn; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm; phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn.

Ba là, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, thực chất hơn gắn với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Phát triển, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Bốn là, thực hiện nghiêm việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; cải cách hành chính. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Năm là, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển; nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên; thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020, Chủ tịch AIPA 41, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 – 2021.

Sáu là, chủ động thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, lan tỏa khát vọng xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp; phát huy tinh thần thi đua yêu nước, đổi mới sáng tạo ở tất cả các ngành, các cấp; tổ chức tốt các sự kiện, lễ kỷ niệm lớn của đất nước.

10 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Một là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, hiện đại, hội nhập, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo và phát triển; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh.

Hai là, củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững.

Ba là, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh một cách thực chất, hiệu quả hơn.

Bốn là, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn.

Năm là, tập trung nâng cao chất lượng nguồn lực gắn với đổi mới sáng tạo và phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu thị trường với số lượng lớn, cơ cấu ngành, nghề hợp lý, có cơ chế phù hợp thu hút, trọng dụng nhân tài.

Sáu là, chú trọng phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Bảy là, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

Tám là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Chín là, củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Mười là, đẩy mạnh công tác thông tin, báo chí, truyền thông, tranh thủ sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp.

Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020

Theo Nghị quyết, năm 2020 tiếp tục thực hiện mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể định hướng đến năm 2021 theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

Trong đó, năm 2020 phấn đấu môi trường kinh doanh theo xếp hạng EoDB (của Ngân hàng thế giới - WB) lên 10 bậc; năng lực cạnh tranh theo xếp hạng GCI 4.0 (của Diễn đàn kinh tế thế giới - WEF) lên 5 bậc; đổi mới sáng tạo theo xếp hạng GII (của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới - WIPO) - lên 3 - 4 bậc; Chính phủ điện tử (của Liên Hợp Quốc -UN) lên 10 - 15 bậc. Trong một số mục tiêu cụ thể về cải thiện môi trường kinh doanh, chỉ số Tiếp cận tín dụng được Nghị quyết đề ra là cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng (A4).

Nghị quyết đã đề ra 7 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 gồm: (i) Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện đầy đủ, nhất quán và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2019; (ii) Các bộ được phân công làm đầu mối theo dõi các bộ chỉ số và các bộ, cơ quan được phân công chủ trì, chịu trách nhiệm đối với các nhóm chỉ số, chỉ số thành phần; (iii) Tiếp tục cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số môi trường kinh doanh; (iv) Cải cách thực chất các quy định về điều kiện kinh doanh; (v) Tiếp tục thực hiện cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành và kết nối Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; (vi) Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; (vii) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Trong đó, tại nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số môi trường kinh doanh, Chính phủ giao NHNN tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp duy trì chỉ số chiều sâu thông tin tín dụng; chỉ đạo các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp được tiếp cận tín dụng công bằng, minh bạch.

Tại nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chỉ đạo thực hiện cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết ở cấp độ 4; cho phép người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện khác nhau; tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo lộ trình; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Trong đó, NHNN được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc thí điểm dùng tài khoản viên thông để thanh toán cho các dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money), thí điểm các mô hình dịch vụ thanh toán mới trong khi chưa có quy định của pháp luật để kịp thời đảm bảo công tác quản lý, nhất là đối với các hoạt động thanh toán xuyên biên giới. Hoàn thành trong quý IV năm 2020.

Cùng với đó, NHNN đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 ban hành theo Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; đề xuất biện pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian tới. Hoàn thành trong quý IV năm 2020...

Quyết định 149/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Theo đó, phấn đấu đến cuối năm 2025 đạt được một số chỉ tiêu cụ thể sau:

Trước hết, ít nhất 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác; tiến tới mục tiêu mỗi người trưởng thành có ít nhất một tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác vào năm 2030.

Tiếp theo, ít nhất 20 chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại trên 100.000 người trưởng thành. Ít nhất 50% tổng số xã có điểm cung ứng dịch vụ tài chính (chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tín dụng và đại lý ngân hàng; ngoại trừ điểm cung ứng dịch vụ tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội).

Đặc biệt, phấn đấu ít nhất 25% - 30% người trưởng thành gửi tiết kiệm tại tổ chức tín dụng; Số lượng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt tốc độ tăng 20% - 25% hàng năm; Ít nhất 250.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa có dư nợ tại các tổ chức tín dụng; Doanh thu phí bảo hiểm bình quân GDP là 3,5%;...

Để đạt được các mục tiêu trên, Chính phủ chủ trương hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu tài chính toàn diện; hướng tới phát triển mô hình đại lý ngân hàng nhằm mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ ngân hàng đến gần với người dân ở các vùng chưa hoặc ít có dịch vụ ngân hàng.

Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư

Theo đó, Chính phủ bổ sung quy định về tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công: - Mức độ đạt được mục tiêu đầu tư dự án theo quyết định đầu tư đã được phê duyệt; - Chỉ số khai thác, vận hành thực tế của dự án so với các chỉ số khai thác, vận hành của dự án đã được phê duyệt; - Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (EIRR); - Các tác động kinh tế - xã hội, môi trường và các mục tiêu phát triển đặc thù khác (xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, hộ chính sách, đối tượng ưu tiên); - Các biện pháp để giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường được thực hiện.

Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 131/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia

Theo đó, bổ sung Mục 4a vào sau Mục 4 Chương IV Nghị định 131, quy định về hồ sơ và nội dung thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công, bao gồm các hồ sơ sau:

- Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư của chủ đầu tư hoặc đơn vị trực thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: + Tờ trình thẩm định; + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh; + Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư; + Tài liệu khác có liên quan.

- Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư của cơ quan chủ quản chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

- Hồ sơ của Hội đồng thẩm định nhà nước trình Chính phủ và của Chính phủ trình Quốc hội.

Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/2/2020 phê duyệt Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Theo đó, mục tiêu tổng quát của Đề án nhằm cơ cấu lại ngành dịch vụ theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như tài chính, ngân hàng, logistics và vận tải, công nghệ thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, du lịch, tăng cường xuất khẩu dịch vụ, giảm thâm hụt cán cân xuất nhập khẩu dịch vụ, hướng tới thặng dư trong cán cân xuất nhập khẩu dịch vụ, phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 6,6 - 7,1%. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP khoảng 41,5-42% vào năm 2020. Giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ đạt khoảng 7-7,5%. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP khoảng 43-44% vào năm 2025.

Đến năm 2020, tỷ trọng lao động các ngành dịch vụ qua đào tạo có chứng chỉ đạt khoảng 25%. Đến năm 2025, tỷ trọng lao động các ngành dịch vụ qua đào tạo có chứng chỉ đạt khoảng 30-35%.

Để đạt được mục tiêu trên, tại Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ này, Thủ tướng Chính phủ đã đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu cho các ngành, lĩnh vực triển khai thực hiện. Trong đó, mục tiêu cụ thể về tài chính - ngân hàng là đến năm 2020, các ngân hàng thương mại cơ bản có mức vốn tự có theo chuẩn Basel II, ít nhất 12-15 ngân hàng thương mại áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn; có ít nhất từ 1 đến 2 ngân hàng thương mại nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực châu Á, giảm dần tỷ lệ tín dụng ngoại tệ/tổng tín dụng; phần đầu tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán đạt mức dưới 7,5%; đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, tối ưu hóa mạng lưới ATM và POS; đến năm 2025 tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán ở mức dưới 8%; tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ phi tín dụng/tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại 16-17%; tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống tổ chức tín dụng dưới 3%; ...

Cùng với đó, Kế hoạch đã đề ra các nhiệm vụ chủ yếu đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng như sau:

- Xây dựng, ban hành các quy định, hướng dẫn cho các TCTD thực hiện theo từng giai đoạn trong lộ trình triển khai Basel II tại Việt Nam.

- Phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế trong năm 2020 và giai đoạn 2021-2025.

- Phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng.

- Phát triển, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tăng cường đổi mới sáng tạo trong thiết kế và phân phối sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; đưa ra cơ chế quản lý thử nghiệm đối với việc phát triển các loại hình dịch vụ công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

- Thúc đẩy việc ứng dụng các công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động quản lý, phát triển, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đảm bảo nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế trên cơ sở hiệu quả, an toàn, bảo mật. Xây dựng khung khổ thử nghiệm (regulatory sandbox) cho các dịch vụ tài chính, ngân hàng trên nền tảng công nghệ thông tin như ví điện tử, định danh điện tử, cho vay ngang hàng, gọi vốn cộng đồng trên internet, v.v...

Quyết định 293/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Bộ chỉ tiêu có 200 chỉ tiêu: Tổng sản phẩm trong nước (GDP), cơ cấu tổng sản phẩm trong nước; tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước, năng suất lao động xã hội, chỉ số sản xuất công nghiệp, tăng trưởng năng suất lao động xã hội,... thuộc 9 lĩnh vực: Tăng trưởng kinh tế, tài chính công, ổn định kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh, lao động việc làm, các vấn đề xã hội, môi trường, hành chính công phục vụ người dân, kết cấu hạ tầng và khoa học công nghệ.

Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 4/2/2020 về giải pháp thúc đẩy tăng năng suất lao động quốc gia

Chỉ thị nêu rõ: Thời gian qua, năng suất lao động của Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, năng suất lao động chưa tương xứng với kỳ vọng. Mức năng suất lao động theo sức mua tương đương của Việt Nam còn khiêm tốn so với một số nước trong khu vực ASEAN.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các định hướng lớn về cải cách để thúc đẩy tăng năng suất lao động của Việt Nam: tổ chức mạng lưới và nâng cao năng lực quản trị nhà nước, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và cải thiện môi trường kinh doanh.

Chỉ thị số 9/CT-TTg ngày 18/2/2020 về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Chỉ thị nêu rõ: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Nghị quyết 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

Theo đó, Chính phủ sẽ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88 với các nhiệm vụ cụ thể gồm: Tổ chức rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và chính sách dân tộc, kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản có liên quan không còn phù hợp để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án.

Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án bao gồm: Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư PPP; dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại; công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh; dự án không thuộc quy định nêu trên nhưng phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa.

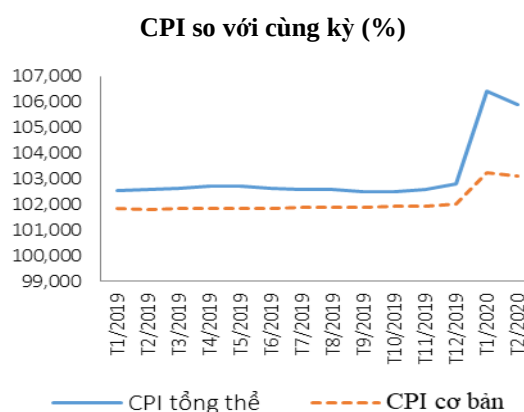
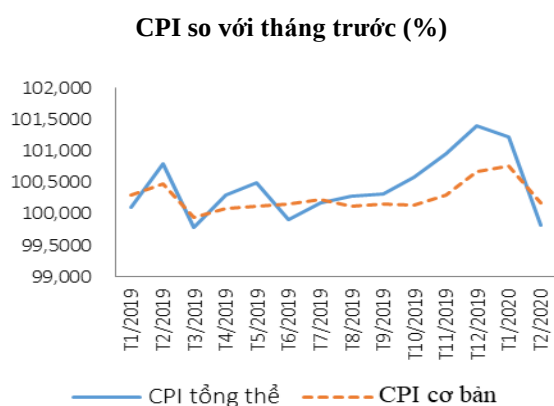
2. Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm ở mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm 2020 tăng 5,91% so với cùng kỳ năm trước - là mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây¹¹. Trong đó, CPI tháng 1/2020 tăng 6,43% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,23% so với tháng trước; CPI tháng 2/2020 tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước và giảm 0,17% so với tháng trước.

Lạm phát cơ bản bình quân 2 tháng đầu năm nay tăng 3,1% so với bình quân cùng kỳ năm 2019. Trong đó, lạm phát cơ bản tháng 1/2020 tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước và lạm phát cơ bản tháng 2/2020 tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước.

¹¹ Tốc độ tăng CPI bình quân 2 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2014-2020 lần lượt là: 5,05%; 0,64%; 1,03%; 5,12%; 2,9%; 2,6%; 5,91%.



Nguồn: TCTK

Trong tháng 1, trong rổ hàng hóa, dịch vụ tính CPI có 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng so với tháng trước, trong đó: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất 2,29%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh vào dịp Tết Nguyên đán; Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,47%; Nhóm giao thông tăng 0,69% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh tăng/giảm giá xăng, dầu; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,65%;... Riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,03%.

Bước sang tháng 2, trong rổ hàng hóa, dịch vụ tính CPI có 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm so với tháng trước, trong đó: Nhóm giao thông giảm nhiều nhất với 2,5% do tác động của điều chỉnh giảm giá xăng, dầu; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,43% do nhu cầu đi lại, du lịch, lễ chùa đầu xuân giảm mạnh; Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,28%;... Các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác có chỉ số giá tăng gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,26%; Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,13%; Nhóm giáo dục tăng 0,04% và nhóm hàng hóa, dịch vụ khác tăng 0,17%.

Sau 2 tháng đầu năm, trong rổ hàng hóa, dịch vụ tính CPI có 10/11 nhóm có chỉ số CPI bình quân tăng và 1/11 nhóm có chỉ số CPI bình quân giảm. Trong đó, CPI bình quân tăng mạnh ở một số nhóm ngành sau:

- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 10,12%; trong đó tăng mạnh nhất là CPI của nhóm ngành thực phẩm ở mức 13,21%.
- Giao thông: CPI bình quân nhóm Giao thông tăng 6,06% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, giá dịch vụ giao thông công cộng và giá bảo dưỡng phương tiện tăng lần lượt 1,78% và 0,42%.
- Nhà ở và vật liệu xây dựng: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 5,91% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,64% và giá dịch vụ sửa chữa nhà tăng 0,71%.
- Giáo dục: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhóm Dịch vụ giáo dục tăng 4,45%.
- Thuốc và dịch vụ y tế: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhóm Dịch vụ y tế tăng 3,76%.
- Các nhóm ngành khác có CPI bình quân tăng giao động trong khoảng 1,08 – 3,58%.

Bên cạnh đó, CPI bình quân của nhóm Bưu chính viễn thông vẫn tiếp tục giảm với mức giảm là 0,65% so với cùng kỳ năm trước.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong 2 tháng đầu năm 2020

Công văn số 343/BCT-TTTN ngày 15/1/2020 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 36 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 77 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 43 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 50 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 789 đồng/kg.

Công văn số 609/BCT-TTTN ngày 30/1/2020 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 577 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 791 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 412 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 473 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 265 đồng/kg.

Công văn số 944/BCT-TTTN ngày 14/2/2020 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 765 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 742 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 961 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 1.108 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 792 đồng/kg.

Công văn số 1373/BCT-TTTN ngày 29/2/2020 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 157 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 253 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 390 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 278 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 102 đồng/kg.

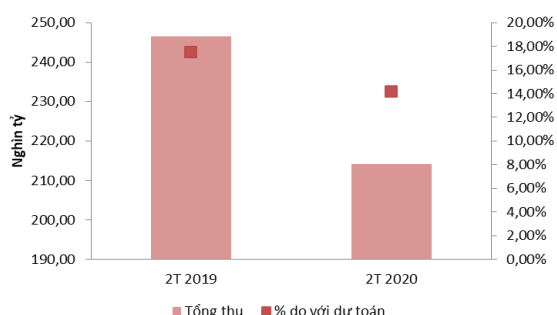
3. Thu chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu, tổng chi NSNN qua 2 tháng đầu giảm so với cùng kỳ năm ngoái

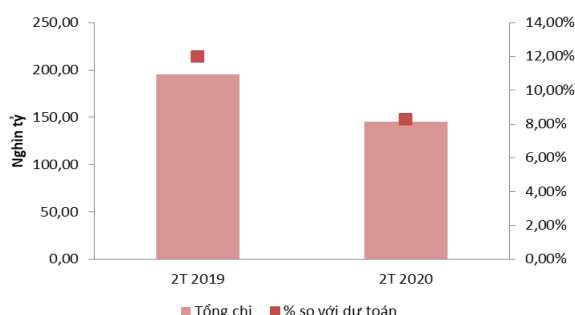
Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/2/2020 ước tính đạt 214,2 nghìn tỷ đồng, bằng 14,2% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 179,8 nghìn tỷ đồng, bằng 14,2%; thu từ dầu thô 8,6 nghìn tỷ đồng, bằng 24,3%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 25,9 nghìn tỷ đồng, bằng 12,4%. Như vậy, cả 3 cấu phần thu đều có sự sụt giảm so với năm ngoái cả về mặt giá trị cũng như so với dự toán¹².

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/2/2020 ước tính đạt 145 nghìn tỷ đồng, bằng 8,3% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 116,1 nghìn tỷ đồng, bằng 11%; chi đầu tư phát triển 7,4 nghìn tỷ đồng, bằng 1,6%; chi trả nợ lãi 21,4 nghìn tỷ đồng, bằng 18,1%. Như vậy, tổng chi NSNN 2 tháng đầu năm nay cũng sụt giảm so với năm trước cả về mặt giá trị cũng như so với dự toán¹³.

So sánh thu NSNN 2 tháng đầu năm 2020 và 2 tháng đầu năm 2019



So sánh chi NSNN 2 tháng đầu năm 2020 và 2 tháng đầu năm 2019



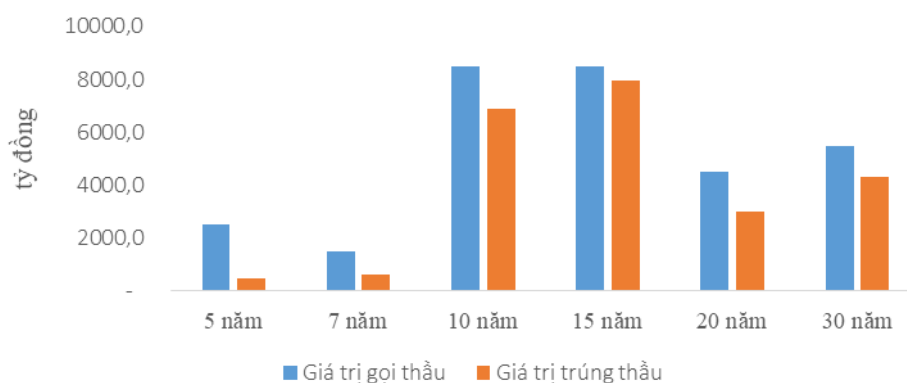
Nguồn: TCTK

¹² Tổng thu ngân sách Nhà nước 2 tháng đầu năm 2019 ước tính đạt gần 246,5 nghìn tỷ đồng, bằng 17,5% dự toán. Trong đó, thu nội địa đạt xấp xỉ 204,8 nghìn tỷ đồng, bằng 17,4% dự toán; thu từ dầu thô đạt xấp xỉ 8,7 nghìn tỷ đồng, bằng 19,5% dự toán; thu từ cân đối ngân sách hoạt động xuất nhập khẩu đạt 51,5 nghìn tỷ đồng, bằng 17,1% dự toán.

¹³ Tổng chi ngân sách Nhà nước 2 tháng đầu năm 2019 ước tính đạt khoảng 195,4 nghìn tỷ đồng, bằng 12% dự toán.

Trong hai tháng đầu năm 2020, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 23.260 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 31.000 tỷ đồng, đạt tỷ lệ khoảng 75% thấp hơn so với tỷ lệ 86,92% của cùng kỳ năm trước. Theo kế hoạch trong quý I, Kho bạc Nhà nước sẽ đấu thầu khoảng 50.000-60.000 tỷ đồng. Trái phiếu kỳ hạn 10 và 15 năm chiếm phần lớn với tổng mức phát hành dự kiến khoảng 35.000 tỷ đồng.

Giá trị trúng thầu qua các kỳ hạn trong 2 tháng đầu năm



Nguồn: hnx.vn

Trong đó, giá trị trúng thầu và tỷ lệ trúng thầu của trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm đạt mức cao nhất, lần lượt là 6.879 tỷ đồng và 80,93%. Đứng thứ hai là trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 15 năm đạt 7.947 tỷ đồng và 93,49%.

Kết thúc tháng 2, lãi suất trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 7 năm là 2,24%/năm, kỳ hạn 10 năm nằm trong khoảng 2,77 – 2,91%/năm, kỳ hạn 15 năm nằm trong khoảng 2,85-3,03%/năm, kỳ hạn 20 năm là 3,09%/năm, kỳ hạn 30 năm nằm trong khoảng 3,55 – 3,72%/năm.

Một số VBPL chính sách quan trọng về quản lý ngân sách được ban hành trong 2 tháng đầu năm 2020

Công văn số 618/KBNN-QLNQ ngày 10/02/2020 về kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ trong quý I năm 2020

Theo công văn này, Tổng mức phát hành trong Quý I năm 2020 là 50.000 – 60.000 tỷ đồng. Khối lượng dự kiến chi tiết theo kỳ hạn như sau: Kỳ hạn 5 năm: 5.000 – 6.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 7 năm: 4.000 – 5.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 10 năm: 14.000 – 17.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 15 năm: 15.000 – 18.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 20 năm: 7.000 – 8.000 tỷ đồng; Kỳ hạn 30 năm: 5.000 – 6.000 tỷ đồng.

Quyết định số 56/QĐ-BTC ngày 10/1/2020 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019 của Bộ Tài chính

Bộ Tài chính công khai kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP, cụ thể tổng ngân sách được giao là 15,828 tỷ đồng trong đó phân bổ cho Tổng cục Dự trữ Nhà nước là 10,506 tỷ đồng, Cơ quan đại diện Văn phòng Bộ Tài chính tại Tp Hồ Chí Minh là 60 triệu đồng, Cục Kế hoạch – Tài chính là 3,696 tỷ đồng.

Cục Quản lý giá được phân bổ 264 triệu đồng, Cục Tài chính Doanh nghiệp là 696 triệu đồng, Cục Quản lý công sản là 180 triệu đồng

Quyết định số 272/QĐ-TTg ngày 18/02/2020 Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 từ nguồn dự phòng chung với tổng mức đầu tư là 16.646,694 tỷ đồng (giao bổ sung năm 2020 3.112,256 tỷ đồng). Trong đó, phân bổ cho 02 dự án: Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn La sơn - Túy Loan, 11.485,842 tỷ đồng (bổ sung 1.709,717 tỷ đồng); Dự án Đầu tư xây dựng công trình khôi phục, cải tạo quốc lộ 20 đoạn Km 00 - Km 123+105,17 trên địa phận hai tỉnh Đồng Nai và Lâm Đồng theo hình thức hợp đồng BT 5.160,852 tỷ đồng (bổ sung 1.402,539 tỷ đồng).

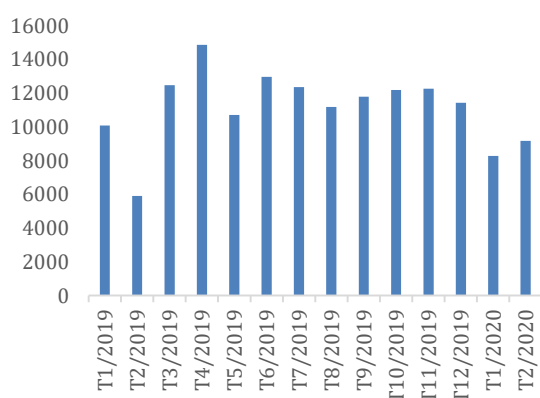
4. Tình hình doanh nghiệp

Số doanh nghiệp thành lập mới

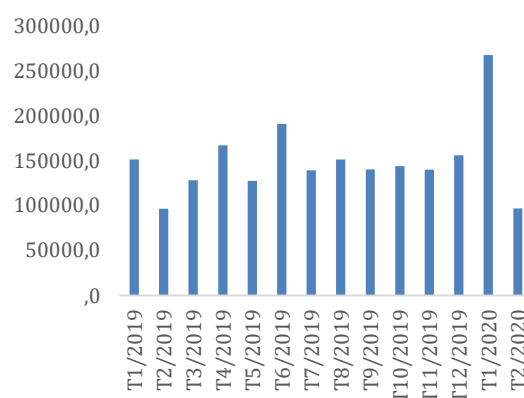
Tính chung 2 tháng đầu năm nay, cả nước có 17,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký kinh doanh là 220 nghìn tỷ đồng – tăng 9,1% về số doanh nghiệp và giảm 11,1% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2019. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 12,6 tỷ đồng, giảm 18,5% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, qua 2 tháng cũng ghi nhận 11,9 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 29,4 nghìn doanh nghiệp.

Số doanh nghiệp thành lập mới



Vốn đăng ký kinh doanh mới (tỷ đồng)



Nguồn: Cục quản lý đăng ký kinh doanh

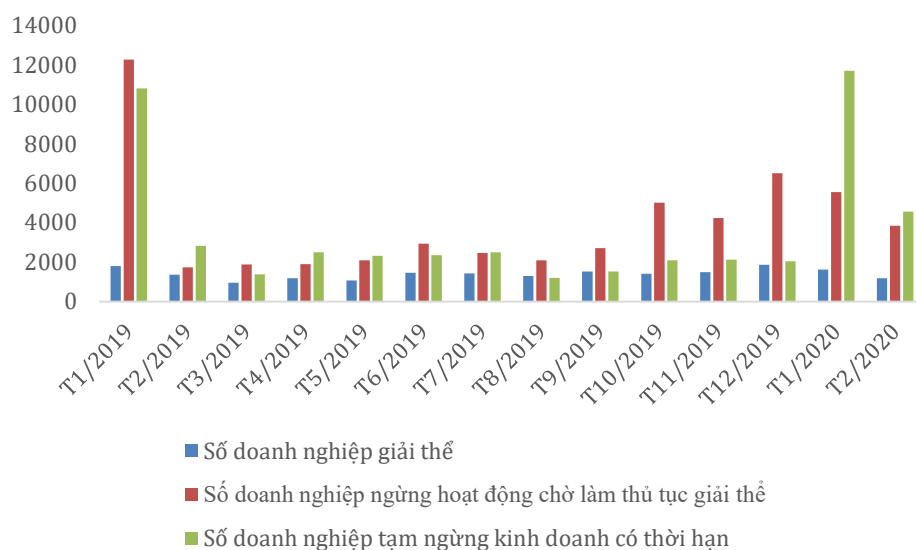
Nếu tính theo khu vực kinh tế, trong 2 tháng đầu năm nay có 265 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2019; 4,7 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 8,4%; 12,5 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 9,2%. Trong đó, các doanh nghiệp thành lập mới tiếp tục gia tăng ở các lĩnh vực như bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; xây dựng; công nghiệp chế biến, chế tạo; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác; dịch vụ lưu trú và ăn uống; vận tải, kho bãi; thông tin và truyền thông; giáo dục và đào tạo với mức tăng giao động từ 2,7 – 26,3%.

Số doanh nghiệp giải thể, ngừng đăng ký và tạm ngừng đăng ký kinh doanh

Tính chung 2 tháng đầu năm, Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 16,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể là 9,4 nghìn doanh nghiệp, giảm 31,4%; Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 2,8 nghìn doanh nghiệp, giảm 11,1%, trong đó có 2,5 nghìn doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, giảm 13,4%. Các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy 1.011 doanh nghiệp, giảm 20,2%; công nghiệp chế biến, chế tạo 344 doanh nghiệp, giảm 0,3%; xây dựng 245 doanh nghiệp, giảm 23,9%; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác 173 doanh

ngành, giảm 5,5%; dịch vụ lưu trú và ăn uống 157 doanh nghiệp, giảm 12,3%; vận tải, kho bãi 109 doanh nghiệp, giảm 23,2%.

Tình hình doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Nguồn: Cục quản lý đăng ký kinh doanh

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong 2 tháng đầu năm 2020

Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 3/1/2020 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2020

Chỉ thị nêu rõ các mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát của ngành Ngân hàng trong năm 2020, bao gồm:

(i) Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp đồng bộ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát bình quân dưới 4%, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế theo mục tiêu, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Năm 2020, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 13%; tín dụng tăng khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Thực hiện các giải pháp về tiền tệ, tín dụng theo phương châm mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, hiệu quả, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế.

(ii) Thực hiện quyết liệt và hiệu quả Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định 1058/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), tập trung xử lý nợ xấu của các TCTD (theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu) nhằm bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng; Phân đầu năm 2020, đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng xuống dưới 2%; tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các TCTD, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và nợ đã thực hiện các biện pháp phân loại nợ xuống dưới 3% (không bao gồm nợ xấu của các ngân hàng thương mại yếu kém).

(iii) Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế; đảm bảo hệ thống văn bản pháp quy đồng bộ, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động tiền tệ và ngân hàng trong giai đoạn sắp tới. Triển khai quyết liệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

(iv) Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công; đảm bảo các hệ thống thanh toán, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ổn định, an toàn và hiệu quả. Đổi mới và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm phát triển dịch vụ ngân hàng số, tăng cường an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng.

(v) Đẩy mạnh cải cách hành chính đảm bảo hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước và kế hoạch cải cách hành chính của NHNN giai đoạn 2016-2020 góp phần cải

thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phấn đấu năm 2020 tiếp tục duy trì trong nhóm các Bộ, ngành dẫn đầu về xếp hạng chỉ số cải cách hành chính (Par Index); duy trì thứ hạng chỉ số Tiếp cận tín dụng thuộc nhóm 25 nước đứng đầu.

Quyết định số 2734/QĐ-NHNN ngày 6/1/2020 về mức lãi suất của các ngân hàng thương mại (NHTM) áp dụng trong năm 2020 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở

Cụ thể, mức lãi suất của các ngân hàng thương mại (NHTM) áp dụng trong năm 2020 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013, Thông tư số 32/2014/TT-NHNN ngày 18/11/2014 và Thông tư số 25/2016/TT-NHNN ngày 29/7/2016 là 5,0%/năm.

Quyết định số 54/QĐ-NHNN ngày 15/1/2020 ban hành Quy trình hướng dẫn tổ chức tín dụng thực hiện tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng trên hệ thống phần mềm nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

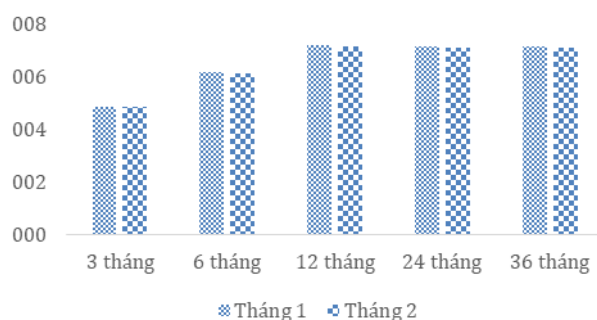
Lãi suất huy động diễn biến tích cực

Lãi suất huy động trong khối các NHTM trong 02 tháng đầu năm đã có diễn biến tích cực, không tăng quá lớn ở các kỳ hạn huy động, đặc biệt là kỳ hạn dưới một năm như quy luật của những năm trước. So với cuối năm 2019, lãi suất huy động bình quân các kỳ hạn trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước không đổi hoặc đã giảm nhẹ trong khoảng từ 0,06 – 0,07 điểm phần trăm, lãi suất đã có xu hướng đi ngang trong tháng 1/2020 và giảm trong tháng 2/2020. Trong khi đó, lãi suất huy động bình quân ở tất cả các kỳ hạn trong khối NHTM CP có xu hướng giảm ở các kỳ hạn 3 – 6 tháng và 36 tháng, giao động trong khoảng từ 0,01 – 0,03 điểm phần trăm và không thay đổi ở kỳ hạn 12 – 24 tháng. Trong tháng 2/2020, lãi suất huy động của một số NHTM CP đã tăng/giảm chủ yếu ở kỳ hạn dài với tần suất giảm chiếm ưu thế.

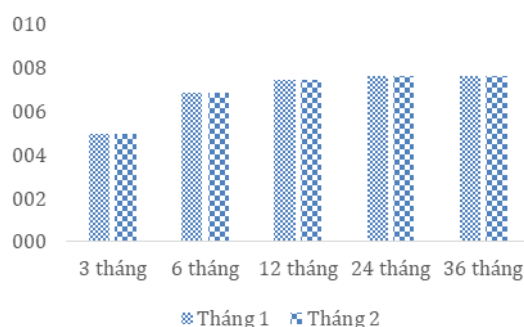
Như vậy, trong 2 tháng đầu năm lãi suất huy động tại các ngân hàng không có quá nhiều thay đổi, đặc biệt là so với thời điểm trước tết, thậm chí nhiều ngân hàng đã điều chỉnh giảm lãi suất huy động như NHTM CP Techcombank; NHTM CP Eximbank; NHTM CP Bắc Á; NHTM CP Bưu điện Liên Việt,... – đây cũng là một thực tế khác với những năm trước khi các ngân hàng thường điều chỉnh tăng lãi suất để hút vốn về chuẩn bị cho các kế hoạch kinh doanh đầu năm.

Kết thúc tháng 2, lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 3 – 6 tháng trong khoảng 4,89 – 6,19%/năm đối với khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước và trong khoảng 4,97 – 6,88%/năm đối với khối NHTM CP; Lãi suất huy động bình quân kỳ hạn dài từ 12 tháng trở lên trong khoảng 7,16 – 7,22%/năm đối với khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước và trong khoảng 7,44 – 7,64%/năm đối với khối NHTM CP.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần



Nguồn: tổng hợp

Lãi suất cho vay nền kinh tế tiếp tục duy trì xu hướng ổn định. Theo đó, lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6,0-9,0%/năm đối với ngắn hạn; 9,0-11%/năm đối với trung và dài hạn.

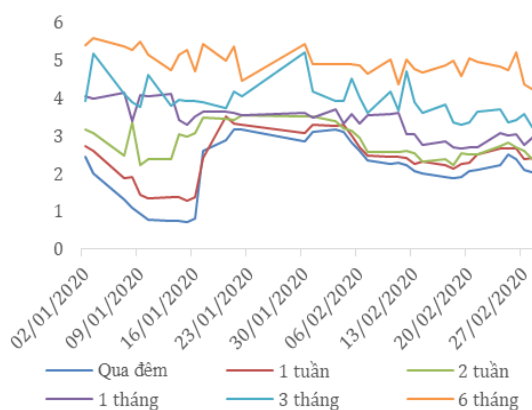
Bên cạnh đó, lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3,0-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3,0-4,7%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,5-6,0%/năm

Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm

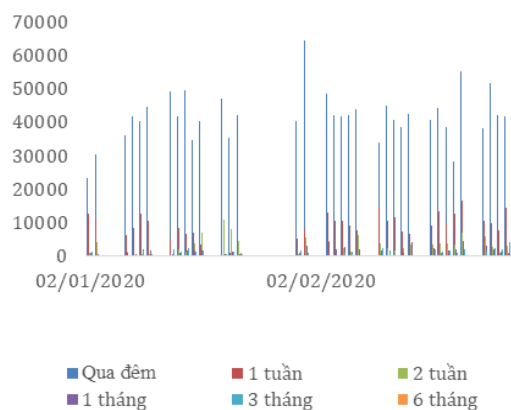
Trong 2 tháng đầu năm, diễn biến lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn gần như giống với cùng kỳ năm ngoái, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn hầu hết đã giảm so với cuối năm 2019, ngoại trừ lãi suất kỳ hạn qua đêm, 1 tuần (tăng lần lượt là 0,59 và 0,13 điểm phần trăm). Trong đó, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 2 tuần – 1 tháng giảm lần lượt là 0,76 điểm phần trăm và 0,96 điểm phần trăm; lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 6 – 12 tháng giảm lần lượt là 0,42 và 0,04 điểm phần trăm; lãi suất kỳ hạn 3 tháng giảm mạnh nhất ở mức 1,89 điểm phần trăm. Mặc dù vậy, diễn biến lãi suất liên ngân hàng là không giống nhau, lãi suất có xu hướng tăng ở kỳ hạn 1 – 2 tuần và giảm ở các kỳ hạn còn lại. Diễn biến tăng trong tháng 1 tập trung vào thời điểm trước và sau khi nghỉ tết, duy trì đã tăng trong gần tuần đầu giao dịch của tháng 2 trước khi có diễn biến giảm gần như liên tục cho đến hết tháng ở phần lớn các kỳ hạn. Trong diễn biến tăng này các lãi suất kỳ hạn ngắn giao động trong khoảng 3 – 3,5%/năm - thấp hơn khá nhiều so với cùng kỳ năm 2019.

Kết thúc tháng 2, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn ngắn (qua đêm, 1 tuần, 2 tuần) chốt giao dịch lần lượt ở mức 2,02%/năm; 2,42%/năm; 2,36%/năm và kỳ hạn từ 1 tháng trở lên chốt giao dịch lần lượt ở mức 2,94%/năm; 3,21%/năm; 4,22%/năm và 5,82%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng



Doanh số giao dịch liên ngân hàng



Nguồn: NHNN

Tỷ giá diễn biến phù hợp với các điều kiện trong và ngoài nước

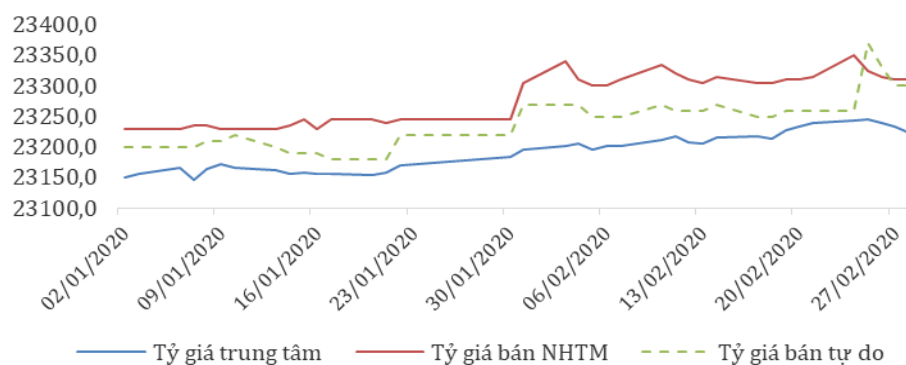
Trong khi thị trường tiền tệ quốc tế có những biến động mạnh trước ảnh hưởng của dịch bệnh và những vấn đề chính trị bất ổn, tỷ giá trung tâm USD/VND đã có diễn biến hợp lý, tăng 0,3% trong 2 tháng đầu năm với mức tăng lần lượt qua mỗi tháng là 0,18% và 0,12%. Xu hướng này về cơ bản là giống với cùng kỳ của năm ngoái, tuy nhiên mức điều chỉnh tăng đã thấp hơn (năm 2019, tăng 0,4%). Trong tháng 1/2020, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng giảm đan xen với mức điều chỉnh giảm lớn nhất là 0,09% và mức điều chỉnh tăng lớn nhất là 0,08%, tương đương 18 – 20 đồng. Diễn biến của tỷ giá trung tâm trong 2 tháng đầu năm cũng không bị tác động nhiều bởi yếu tố quy luật, tỷ giá trung tâm chỉ duy trì đã tăng hình thành từ 02 ngày trước khi nghỉ tết, kéo dài đến 03 ngày sau

khi thị trường giao dịch trở lại với tổng mức tăng là 0,2%. So với tháng 1/2020, diễn biến của tỷ giá trung tâm trong tháng 2/2020 xuất hiện diễn biến tăng nhiều hơn, ghi nhận chuỗi tăng gần như liên tục từ ngày 14 – 25/2/2020 trước khi giảm liên tục với tổng mức giảm gần 0,1% vào 03 ngày giao dịch cuối tháng. Xu hướng này nhìn chung là khá phù hợp với diễn biến của đồng USD trên thị trường trong tháng 2. Bên cạnh đó, tỷ giá tham khảo trên Sở giao dịch của NHNN đã không thay đổi ở chiều mua vào nhưng có diễn biến và tổng mức tăng tương đồng với tỷ giá trung tâm qua từng tháng. Kết thúc tháng 2/2020, tỷ giá trung tâm chốt ở mức 23.224 USD/VND; tỷ giá tham khảo trên Sở giao dịch của NHNN chốt ở mức 23.175 – 23.871 USD/VND (mua vào – bán ra).

Trên cơ sở đó, diễn biến tỷ giá giao dịch của các NHTM và trên thị trường tự do cũng đã tăng – trái ngược với diễn biến của cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, diễn biến tăng mạnh nhất vào tháng 1 và tăng nhẹ trong tháng 2 do cộng hưởng từ những tác động mang tính mùa vụ. Cụ thể, trong 2 tháng đầu năm tỷ giá bán của Vietcombank và Eximbank đã tăng khoảng 0,28 – 0,32% trong tháng 1/2020 và tăng 0,02% trong tháng 2/2020. Tỷ giá biến động tăng, giảm khá ổn định trong biên độ từ $\pm 0,01\%$ – $\pm 0,04\%$, ngoại trừ biến động đã có lúc tăng lên đến 0,09 – 0,11% vào ngày 10/2 và 0,13 – 0,15% vào ngày 24/2. Tuy nhiên, mức tăng này đã được điều chỉnh giảm ngay vào những phiên giao dịch tiếp theo. Kết thúc 2 tháng đầu năm, tỷ giá giao dịch của Vietcombank đã tăng lần lượt là 0,26% và 0,34% đối với chiều mua vào, bán ra; chốt giao dịch ở mức 23.170 – 23.310 USD/VND (mua vào – bán ra).

Trong khi đó, mặc dù có cùng xu hướng tăng nhưng mức độ tăng của tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do đã cao hơn so với tỷ giá giao dịch chính thức, tăng lần lượt là 0,48 – 0,47% (mua vào – bán ra) trong 2 tháng đầu năm (tháng 1/2020 tăng 0,35 – 0,34%; tháng 2/2020 tăng 0,13% cả 2 chiều mua và bán). Trong 2 tháng đầu năm, mức biến động phổ biến của tỷ giá chính thức là $\pm 0,04\%$ – $\pm 0,09\%$, tuy nhiên tỷ giá đã có lúc tăng 0,22 – 0,47% trong một ngày giao dịch. Bên cạnh đó, một điểm đáng chú ý là trong tháng 2/2020, diễn biến của tỷ giá trên thị trường tự do cũng có nhiều ngày đi ngang, kéo dài nhất từ ngày 3/2 – 7/2/2020. Kết thúc tháng 2, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do chốt ở mức 23.230 – 23.300 USD/VND (mua vào – bán ra), duy trì trạng thái thấp hơn tỷ giá giao dịch chính thức gần như liên tục trong 2 tháng, tính đến ngày cuối tháng đã thấp hơn 10 đồng.

Diễn biến tỷ giá VND/USD



Nguồn: NHNN

Giá vàng đã tăng mạnh, vượt mức tăng của giá vàng thế giới

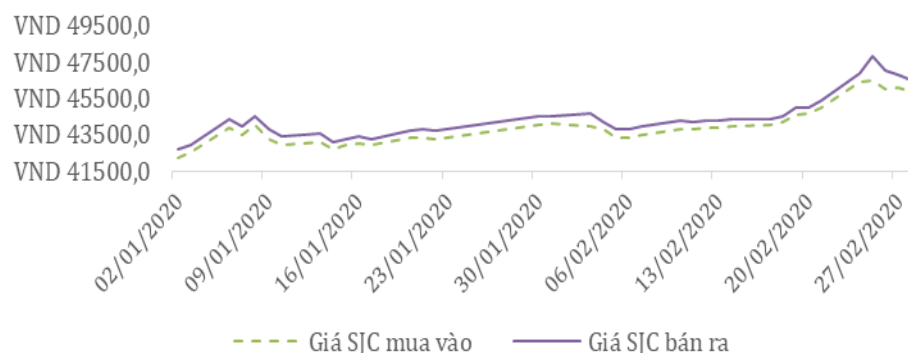
Giá vàng trong nước 2 tháng đầu năm đã tăng mạnh trên 8% cả hai chiều mua, bán. Trong đó, giá vàng SJC đã tăng 4,51 – 4,24% (mua vào – bán ra) trong tháng 1/2020 và tăng 3,96 – 4,39% (mua vào – bán ra) trong tháng 2/2020. Diễn biến của giá vàng trong nước trong 2 tháng đầu năm bên cạnh yếu tố mang tính mùa vụ (dịp lễ tết, ngày thần tài) đã chịu tác động mạnh từ xu hướng đi lên của giá vàng thế giới. Ngoài ra, diễn biến tăng và tổng mức tăng của giá vàng trong nước đã lớn hơn giá vàng thế giới – đây là một diễn biến đáng chú ý, phản ánh áp lực của yếu tố tâm lý đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến diễn biến của giá vàng trong 2 tháng đầu năm, đặc biệt trong bối cảnh thị trường vàng trong nước hiện không được liên thông với giá vàng thế giới.

Trong tháng 1/2020, giá vàng tăng/giảm dãi đều trong tháng với mức giá bán phổ biến đạt trên 43 triệu đồng/lượng. Giá vàng bán ra cũng đã kịp tăng trên 44 triệu đồng/lượng vào 02 ngày cuối tháng để kịp tận dụng tâm lý mua vàng của người dân vào ngày vía thần tài. Tuy nhiên, lực mua vàng vào ngày vía thần tài năm nay – cũng là những ngày giao dịch đầu tháng 2/2020 đã bị hạn chế bởi sự bùng phát của dịch Covid – 19 nên diễn biến của giá vàng đã không giữ được đà tăng như mọi năm, thậm chí đã giảm khỏi ngưỡng giá 44 triệu đồng/lượng ngay trong ngày – diễn biến khác lạ này đã làm cho người mua vàng dè chừng hơn.

Mặc dù vậy, trong tháng 2/2020, giá vàng trong nước do được hỗ trợ bởi đà tăng của giá vàng thế giới nên tiếp tục xác lập thêm các mức giá cao mới. Đáng chú ý là chuỗi tăng từ ngày 20/2/2020 cho đến cuối tháng, giá bán vàng trong nước biến động trong ngưỡng trên 45 triệu đồng/lượng – sát ngưỡng 50 triệu đồng/lượng. Vào tuần giao dịch cuối tháng 2/2020, giá vàng đã có một tuần biến động mạnh, có những thời điểm giao dịch trong ngày 24/2/2020, giá vàng đã ghi nhận mức cao nhất trong lịch sử là 49,95 triệu đồng/lượng nhưng cũng lập tức giảm khoảng 3 triệu đồng/lượng vào ngày giao dịch kế tiếp.

Do biến động quá mạnh của giá vàng trong một ngày giao dịch và khoảng cách chênh lệch giữa giá mua và giá bán là khá lớn (800 nghìn – 1 triệu đồng/lượng) nên giao dịch ngoài thị trường hiện vẫn khá trầm lắng, nhu cầu mua bán ngoài thị trường chỉ ở mức thấp và nhỏ lẻ. Ngoài ra, do giá vàng trong nước tăng mạnh hơn giá vàng thế giới vào những ngày giao dịch cuối tháng nên chênh lệch giá đã thay đổi, xác lập ngưỡng chênh lệch cao mới, có ngày giao dịch vượt 1 triệu đồng/lượng, chốt ngày giao dịch cuối tháng khoảng trên 1,8 triệu đồng/lượng, đồng thời giá vàng giao dịch ở mức 45,9 – 46,52 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra).

Diễn biến giá vàng trong nước

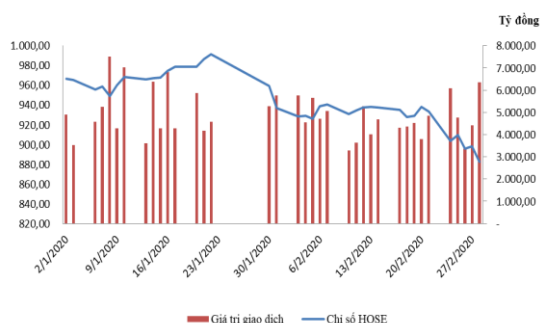


Nguồn: sjc.com.vn

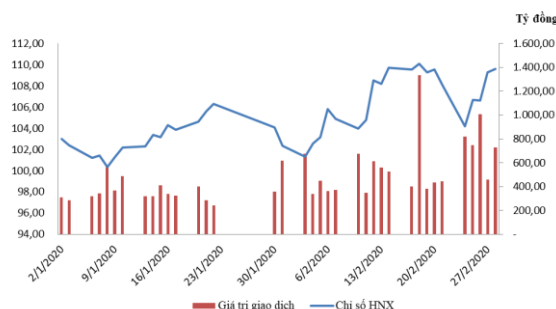
Thị trường chứng khoán giao dịch kém sôi động

Trong tháng 2, thị trường chứng khoán Việt Nam đã điều chỉnh giảm theo đúng xu hướng của chứng khoán thế giới. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 2, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 882,19 điểm, giảm 5,81% so với phiên giao dịch cuối tháng trước, giảm mạnh hơn mức giảm 2,54% của tháng 1. Như vậy, so với cuối năm 2018, chỉ số VN – Index đã giảm 8,34%. Trong khi đó, trên sàn HNX, chỉ số HNX – Index diễn biến có phần trái ngược khi chỉ giảm nhẹ 0,15% so với tháng trước trong tháng 1 và tăng 7,05% trong tháng 2.

Diễn biến chỉ số HOSE 2 tháng đầu năm 2020



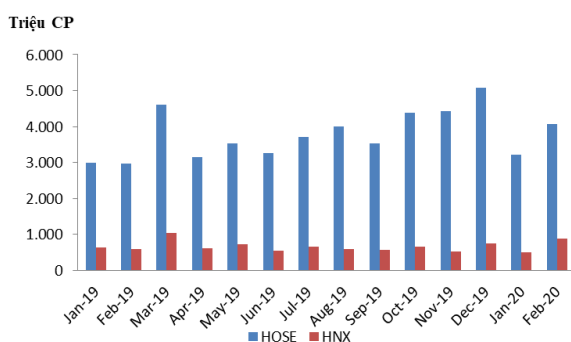
Diễn biến chỉ số HNX 2 tháng đầu năm 2020



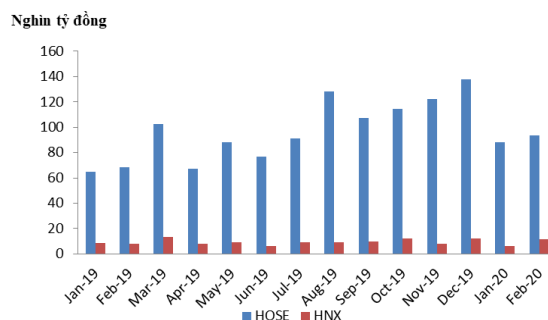
Nguồn: UBCK

Tổng khối lượng giao dịch trên cả hai sàn HOSE và HNX trong tháng 1 đạt 3.711 triệu cổ phiếu, tương đương với giá trị 94,36 nghìn tỷ đồng, tăng 3% về khối lượng giao dịch và 28% về giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2019; tháng 2 đạt 4.939 triệu cổ phiếu, tương đương với giá trị 105,08 nghìn tỷ đồng, tăng 39% về khối lượng giao dịch và 38% về giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2019. Sự gia tăng thanh khoản trong 2 tháng đầu năm so với cùng kỳ được ghi nhận trên cả hai sàn HOSE và HNX¹⁴.

Khối lượng giao dịch giai đoạn 1/2019 – 2/2020



Giá trị giao dịch giai đoạn 1/2019 – 2/2020

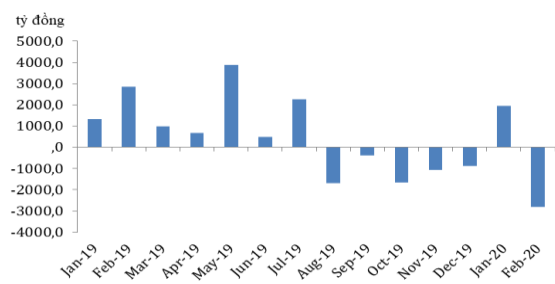


Nguồn: UBCK

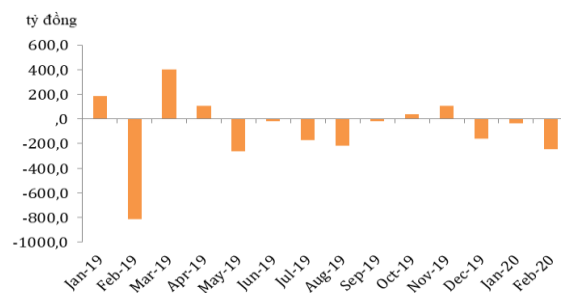
Trên sàn HOSE, mặc dù khối ngoại quay trở lại trạng thái mua ròng 1.946 tỷ đồng trong tháng 1 nhưng đã bán ròng mạnh trở lại ở mức 2.818 tỷ đồng trong tháng 2. Trên sàn HNX, khối ngoại duy trì trạng thái bán ròng liên tục trong cả 2 tháng đầu năm với tổng mức bán ròng xấp xỉ 278 tỷ đồng, đồng thời kéo dài chuỗi bán ròng liên tiếp của khối ngoại trên sàn HNX lên 3 tháng liên tiếp.

¹⁴ Qua 2 tháng đầu năm 2020, tổng khối lượng giao dịch trên sàn HOSE đạt 7276,12 triệu cổ phiếu, tương đương 181,46 nghìn tỷ đồng, tăng tương ứng 22,3% về khối lượng và 35,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; tổng khối lượng giao dịch trên sàn HNX đạt 1374,89 triệu cổ phiếu, tương đương 17,99 nghìn tỷ đồng, tăng tương ứng 13,4% về khối lượng và 9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE giai đoạn
1/2019 – 2/2020**



**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX giai đoạn
1/2019 – 2/2020**



Nguồn: UBCK Nhà nước